

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020

(01/01/2020 – 31/12/2020)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2021





GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

❖ **HOÀI BẢO :**

COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

❖ **TÂM NHÌN :**

Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)

❖ **SỨ MỆNH :**

Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

❖ **BẢN SẮC VĂN HÓA :**

Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

❖ **SLOGAN :**

COMECO vì khách hàng phục vụ.

❖ **LOGO :**



- Giọt dầu làm biểu tượng;

- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;

- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;

- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tâm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;

- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

❖ **TRIẾT LÝ KINH DOANH :**

Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

❖ **THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC :**

Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC :**

Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP :**

Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ :**

Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

❖ **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI :**

Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng theo phương châm “**COMECO vì khách hàng phục vụ**”.

2. Tuân thủ nghiêm các yêu cầu của pháp luật, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh xăng, dầu.

3. Tập trung mọi nguồn lực để phát triển kinh doanh xăng dầu, làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng mục tiêu “Phát triển - Hiệu quả - Bền vững”.

5. Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu vì mục tiêu chung, vì sự phát triển Thương hiệu COMECO.

Chính sách chất lượng này được quán triệt đến toàn thể người lao động trong Công ty để thấu hiểu và thực hiện.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu
- DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- CPH : Cổ phần hóa
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGD : Tổng Giám đốc
- NLĐ : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (Cửa hàng xăng dầu) hạch toán phụ thuộc
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông vận tải
- HTQTCLTD : Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện: tích hợp 3 hệ thống ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; Công cụ 5S và 7 Tiêu chí giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu
- HTKD : Hợp tác kinh doanh
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- Saigon Petro : Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh
- PVOIL : Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	<i>1</i>
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	<i>2</i>
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	11
V.	Định hướng phát triển đến năm 2025	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020	20
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020	20
II.	Tổ chức nhân sự	21
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	26
IV.	Tình hình tài chính	27
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	32
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD	37
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	37
II.	Tình hình tài chính	39
III.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được	39
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2021	41
V.	Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	43
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	43
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	47
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	47
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	47
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	49
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	50
I.	HĐQT	50
II.	Ban Kiểm soát	63
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và BKS	66
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	72
	<i>Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn tin nhiệm, đồng hành cùng COMECO trong suốt những năm qua.

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao; nhiều doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn hoặc giải thể. Trong các đợt cao điểm bùng phát dịch Covid-19, Chính phủ thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống lây lan dịch Covid-19, các ngành hàng không thiết yếu như: vận tải, du lịch, dịch vụ ăn uống,... tạm ngừng kinh doanh; học sinh và sinh viên nghỉ học kéo dài,... nên sản lượng kinh doanh của Công ty giảm đáng kể.

Đối với ngành kinh doanh xăng dầu, thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp, giá dầu biến động liên tục khó lường; giá thế giới có thời điểm giảm về mức âm, sau đó tăng mạnh trở lại. Biến động của giá xăng dầu tác động mạnh đến nền kinh tế và nguồn cung của thị trường xăng dầu, có những thời điểm nguồn cung xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối rất hạn chế nên kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, có những thời điểm thù lao xăng dầu giảm mạnh, không đủ bù đắp chi phí kinh doanh nên ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh khó khăn như trên, dưới sự lãnh đạo của HĐQT, cùng với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc cũng như toàn thể NLĐ Công ty, COMECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020, cụ thể: **doanh thu 2.899 tỷ đồng, đạt 103%; lợi nhuận sau thuế 37 tỷ đồng, đạt 148% và tỷ lệ chi cổ tức là 20% (2.000 đồng/ cp) đạt 133%** so với kế hoạch mà ĐHCĐ giao.

Những kết quả đạt được kể trên đã không những góp phần củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư vào sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành COMECO mà còn góp phần nâng cao uy tín COMECO trên thương trường. Mỗi kết quả đạt được là sự nỗ lực hết mình, sự đồng lòng, quyết tâm và phối hợp của tập thể Ban lãnh đạo và NLĐ COMECO trong suốt năm qua.

Kính thưa Quý cổ đông!

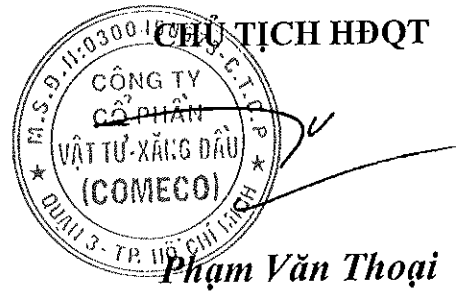
Kinh tế Việt Nam năm 2021 sẽ tiếp tục có nhiều rủi ro, thách thức do đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại giữa các quốc gia, nền kinh tế lớn kết hợp với yếu tố rủi ro địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại nội địa... Vì vậy, năm 2021 sẽ tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thử thách với COMECO. HĐQT Công ty đã có sự chuẩn bị sẵn tâm thế và sự chủ động cùng với một tinh thần quyết liệt, trách nhiệm cao nhất để đối mặt và ứng phó với những thách thức trong năm nay. Với tinh thần đoàn kết, làm việc có trách nhiệm của NLĐ Công ty và sự đồng hành, ủng hộ của quý đối tác, quý cổ đông, nhà đầu tư, COMECO tin tưởng sẽ hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2021.

Một lần nữa, thay mặt HĐQT, Ban Điều hành, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và cơ quan chức năng; các khách hàng, cổ đông và đối tác đã hết lòng hỗ trợ, đồng hành với COMECO trong suốt chặng đường vừa qua và rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong chặng đường sắp tới.

Tôi cũng xin được thay mặt HĐQT COMECO gửi lời cảm ơn đến từng người lao động ở mọi vị trí đã tận tụy làm việc, cống hiến trong suốt năm qua vì sự phát triển bền vững, vì mục tiêu chung của COMECO.

Toàn thể NLĐ Công ty cam kết sẽ tiếp tục làm việc và không ngừng phấn đấu để đưa COMECO trở thành “Thương hiệu của chất lượng dịch vụ”, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của xã hội và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý cổ đông.

Trân trọng.



Phần I THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



1. Địa chỉ văn phòng : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh
2. Điện thoại : (028) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
3. Fax : (028) 38 325 555
4. Email : comecopetro@hcm.vnn.vn
5. Website : <http://www.comeco.com.vn>; www.comeco.vn
6. Giấy CNĐKKD số : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000
7. Vốn điều lệ : 141.206.280.000 đồng
8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2020) : 442.613.788.508 đồng
9. Mã Chứng khoán : COM
10. Ngày niêm yết trên Hose : 07/8/2006
11. Ngày thành lập Công ty : 13/12/1975
12. Thời điểm cổ phần hóa : 13/12/2000
13. Thương hiệu COMECO : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975

Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua hơn 44 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau:

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu: Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu: Từ 08/1977 đến 12/1978
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư: Từ 12/1978 đến 12/1981
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu: Từ 12/1981 đến 10/1992
(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO): Từ 10/1992 đến 12/2000
(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO): Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp. Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là: 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VĐL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp. HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm 39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

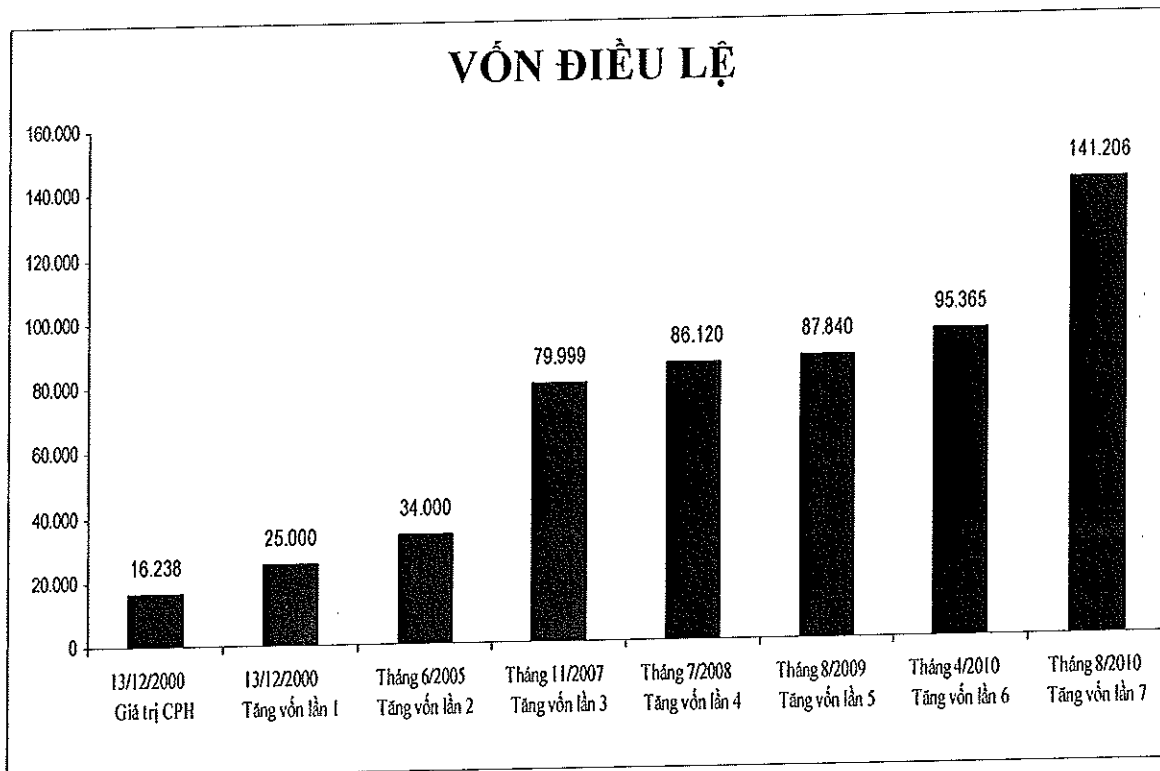
4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 10/9/2016: Công ty tổ chức buổi Lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVC của Vương Quốc Anh cấp.
- Ngày 13/12/2015: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.
- Ngày 28/4/2012: ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.
- Ngày 02/4/2011: Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày 13/12/2010: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề: “35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”.
- Tháng 8/2010: Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 12/2009: Nhận 2 Giấy chứng nhận: Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.
- Tháng 08/2008: Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.
- Tháng 12/2007: Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.
- Tháng 10/2004: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.
- Tháng 12/2000: Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- Tháng 07/1988: COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Vốn điều lệ

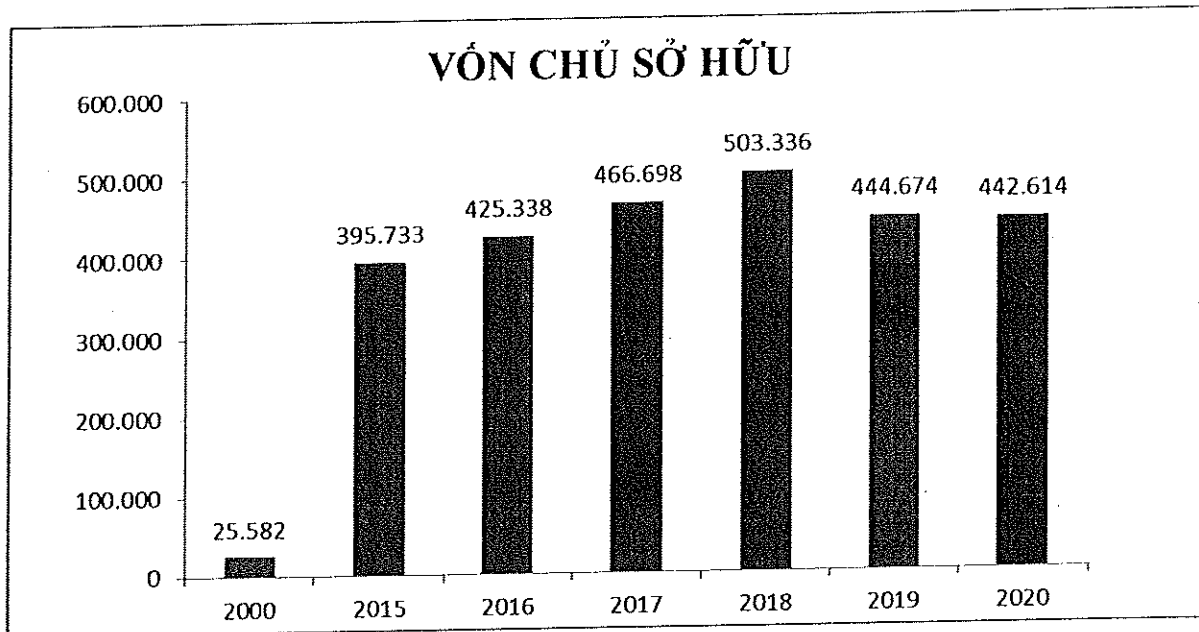
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

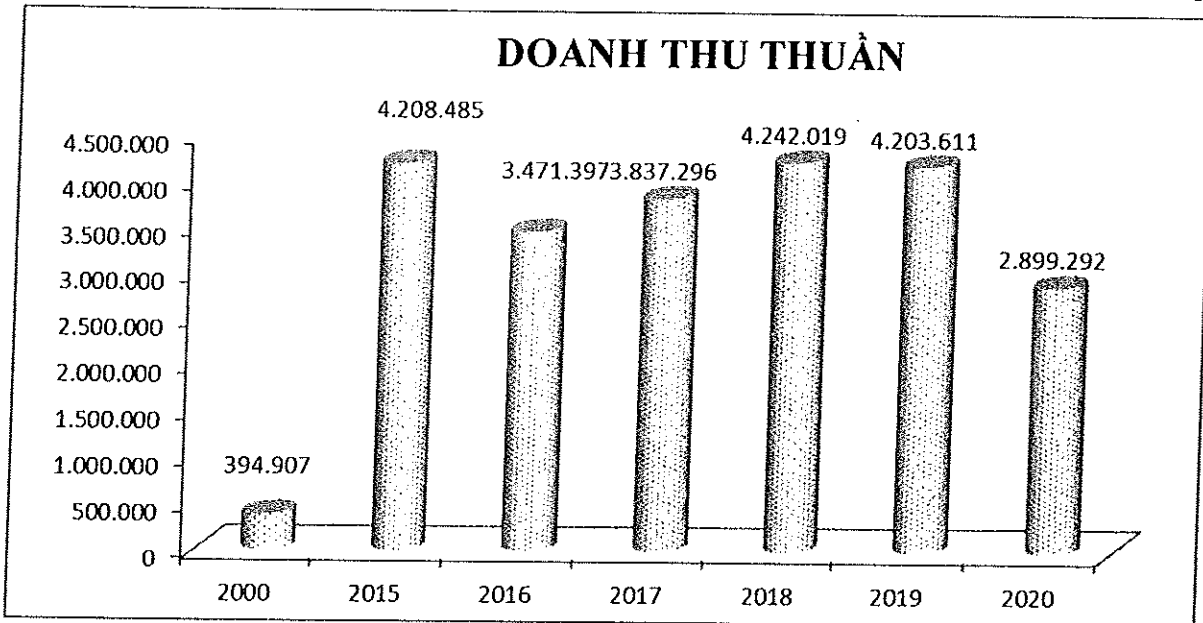
5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng



5.3 Doanh thu thuần

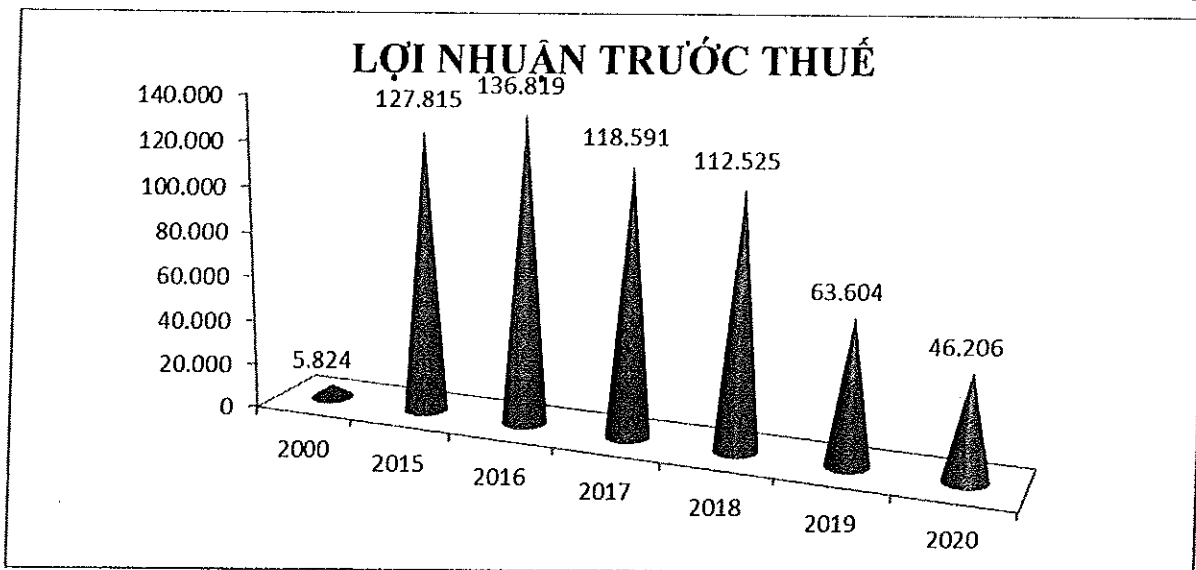
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: Doanh thu năm 2020 giảm so với 2019 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhu cầu của người tiêu dùng giảm, giá xăng dầu điều chỉnh giảm, một số chi nhánh giải thể do đối tác thu hồi mặt bằng (chi nhánh số 41, 43).

5.4 Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: Lợi nhuận trước thuế năm 2020 giảm so với 2019 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 và đơn giá lãi gộp bán lẻ xăng dầu giảm đặc biệt trong quý I/2020.

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật: gồm các nội dung chính sau:

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: **271.070 m²** (trong đó, bao gồm 200.000 m² đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai).

- **34 chi nhánh xăng dầu** (cửa hàng xăng dầu). Trong đó: 24 CNXD thuộc sở hữu của Công ty, 10 CNXD là HTKD/thuê.

- Đội xe bồn gồm **21 chiếc** : + 05 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít/xe.

- + 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít/xe.
- + 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít/xe.
- + 04 xe hiệu Hino, dung tích 18.000 lít/xe.

- Hệ thống 160 trụ bơm đang hoạt động trong hệ thống CNXD.
- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO cung cấp trụ bơm mang thương hiệu COMECO, dịch vụ sửa chữa, bảo trì trụ bơm cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và các khách hàng bên ngoài.
- Xưởng sửa chữa xe.
- Tòa nhà văn phòng COMECO (10 tầng, diện tích sử dụng: 4.489 m²) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2019	Cờ Thi đua của Thành phố: đã có hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, dẫn đầu cụm, khối thi đua trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty, công ty thuộc Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Bằng khen của UBND Thành phố về đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2018	Bằng khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2017	Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2015 – 2016	Công an Thành phố Hồ Chí Minh
	Xếp hạng 279 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2016	Xếp hạng 221 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2015	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh và công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng Chính phủ
	Xếp hạng 192 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2014 – 2015	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Cờ truyền thống nhân dịp 40 ngày thành lập Công ty	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2014	Xếp hạng 190 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2013 – 2014	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 (xếp hạng 49)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

2013	Xếp hạng 179 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	Xếp hạng 147 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)
Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.		Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam

	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTECH)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho NLD tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLD và đã đạt được các thứ hạng cao trong các hội thi như: Karaoke, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,....

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Tỷ trọng doanh thu, LNTT các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty năm 2020

SỐ TT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG DOANH THU	TỶ TRỌNG SO VỚI LNTT
1	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt	99,13%	83,13%
2	Cho thuê văn phòng, kho bãi	0,84%	16,83%
3	Kinh doanh khác bao gồm: - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. - Xây dựng nhà các loại.	0,03%	0,04%

2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận: Long An, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng (xem Phụ lục: “Hệ thống CNXD COMECO” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHCĐ. ĐHCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

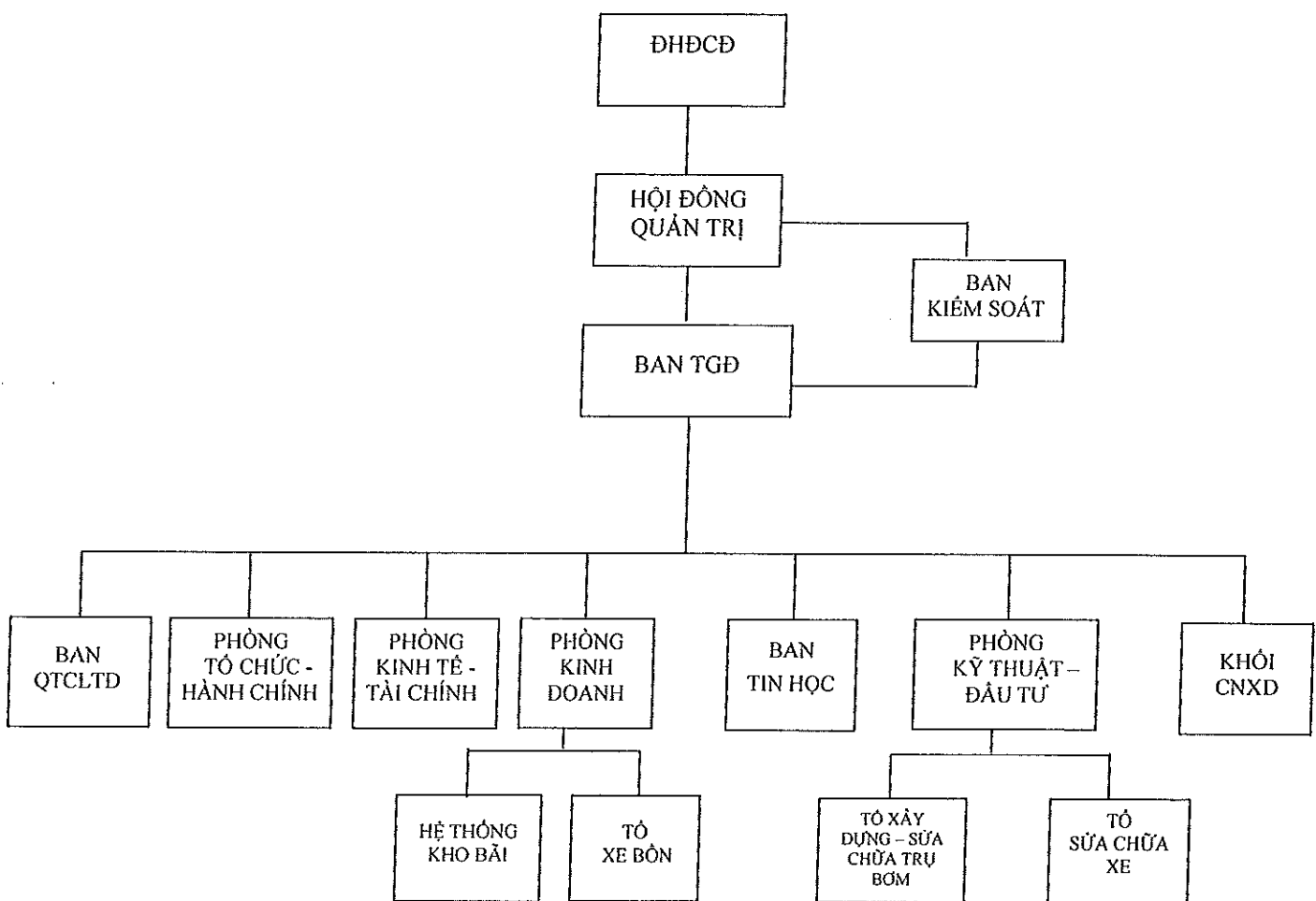
- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban Điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty tiến hành sáp nhập Phòng Đầu tư – Xây dựng và Trung tâm Sản xuất Thương mại thành Phòng Kỹ thuật – Đầu tư ngày 01/01/2020.

3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025

1. Phân tích môi trường kinh doanh :

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<p>1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất 271.070 m², tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 34 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận.</p> <p>2. Thương hiệu COMECO tương đối mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau Xi nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).</p> <p>3. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 10,48%/năm (2001-2020).</p> <p>4. Đội ngũ NLD nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm trong kinh doanh bán lẻ xăng dầu.</p> <p>5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng ngày càng tin tưởng và chất lượng dịch vụ.</p> <p>CƠ HỘI (O)</p> <p>1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.</p> <p>2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao.</p> <p>3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới.</p> <p>4. TP HCM có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh.</p> <p>5. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường.</p>	<p>1. Chưa chủ động được nguồn hàng và giá cả.</p> <p>2. Phục vụ khách hàng chưa thật sự chuyên nghiệp</p> <p>3. Vi tính hóa quản trị còn chậm. Công tác cập nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm.</p> <p>4. Công tác Marketing còn yếu.</p> <p>5. Thông tin thị trường, đối thủ còn hạn chế.</p> <p>NGUY CƠ (T)</p> <p>1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định.</p> <p>2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam.</p> <p>3. Hạn chế phát triển của hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty nằm trong dự án quy hoạch của Nhà nước có thể bị giải tỏa khi Nhà nước triển khai thực hiện dự án</p> <p>4. Các sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG) ngày càng được phát triển.</p> <p>5. Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu đang được sửa đổi trong quản lý điều hành giá; tạo môi trường cạnh tranh gay gắt nhất là trong kinh doanh bán si xăng dầu.</p>

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4, S5) + (O2, O4, O5) → Chiến lược tăng trưởng tập trung

(S1, S4, S5) + (O2, O3, O4) → Chiến lược hội nhập

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1)+(O2,O4) → Chiến lược hội nhập, chọn đối tác để liên kết HTKD, khai thác Tổng kho

(W1, W2, W3) + (O3) → Chiến lược hệ thống QTCLTD

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, tách thức

(S1, S2, S4, S5) + (T1, T3, T4) → Chiến lược đa dạng hóa SP

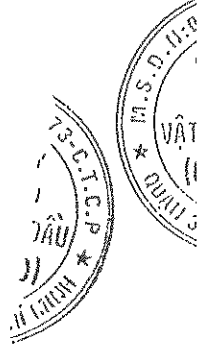
(S1, S2, S4) + (T2, T4, T5) → Chiến lược phát triển SP mới

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3, W5) + (T2, T4, T5) → Chiến lược đầu tư

(W2, W3, W4) + (T2, T4) → Chiến lược nguồn nhân lực

(W3, W4) + (T1, T4, T5) → Chiến lược Marketing



Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Định hướng phát triển đến năm 2025

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2025: tập trung nguồn lực cho việc phát triển ngành kinh doanh xăng dầu làm nền tảng vững chắc cho chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành: **COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ và Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam (trực chính là xăng dầu)**". Đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông và Người lao động.

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2025

- Nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu; phát triển hệ thống nhượng quyền thương mại, đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư phát triển CNXD mới ở những vị trí chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển cao.
- Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại.
- Thực hiện chủ trương chung của Chính phủ về phát triển kinh doanh nhiên liệu sinh học.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, khai thác tối đa quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng, gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLĐ.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Duy trì và cải tiến Hệ thống Quản trị chất lượng toàn diện. Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công tác an toàn cháy nổ tại các CNXD. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường.- Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định.- Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng.- Cung cấp và tư vấn đầy đủ các thông tin về sản phẩm.- Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Môi trường làm việc an toàn. - Đa dạng hóa hình thức thanh toán. - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Tiếp tục đẩy mạnh chính sách bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ và đầu tư phát triển hệ thống Chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như: đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê/ hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn; tìm đối tác có mặt bằng phù hợp để hợp tác kinh doanh cửa hàng xăng dầu,... - Giữ và phát triển đại lý/ thương nhân nhượng quyền bán lẻ xăng dầu; tìm kiếm khách hàng mới. - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng như: <ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư xây mới hoặc mở thêm tiểu đảo. + Đầu tư khai thác hiệu quả các mặt bằng trống.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo vốn hoạt động của Công ty, đáp ứng vốn kịp thời cho các dự án đầu tư. - Huy động vốn - Tìm tổ chức tín dụng để vay lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu. - Nâng cao khả năng dự phòng, cân trọng đầu tư, tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ các quá trình và dự báo tốt tình hình để giảm thiểu các rủi ro cho Công ty.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, khai thác hiệu quả 20 ha đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường tiếp thị, quảng bá thương hiệu - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.

CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ tư vấn thiết kế, bảo trì, sửa chữa và cung cấp vật tư, phụ tùng trụ bom, trụ bơm điện tử COMECO, rửa xe, thay nhớt, thẻ thanh toán,... - Khai thác dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác hết công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO, khai thác hết công năng các mặt bằng còn trống của Công ty dưới các hình thức xây dựng kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, HTKD,...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu theo lộ trình quy định của Chính phủ. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC. - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, NLD và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO,	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.

	5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Đối với đối tác: duy trì mối quan hệ trên cơ sở bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển; tiền cổ tức hàng năm. - NLD: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Đại dịch Covid-19 xảy ra kéo dài và diễn biến phức tạp trên toàn cầu là nguy cơ lớn nhất; căng thẳng thương mại toàn cầu, dẫn tới gia tăng bảo hộ thương mại và các rủi ro tài chính có thể trầm trọng thêm. Tiêu dùng nội địa sẽ tiếp tục ở mức thấp bởi thu nhập hộ gia đình và doanh nghiệp giảm, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng và thêm nhiều doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Triển vọng đầu tư không đồng đều, đầu tư tư nhân vẫn yếu và đầu tư nước ngoài liên quan đến thương mại tiếp tục giảm.

- Trong 5 năm qua, quản lý tài khóa của Việt Nam tương đối thận trọng cụ thể những nỗ lực liên tục về huy động thu và hợp lý hóa chi tiêu, cùng với việc thắt chặt hơn việc cung cấp bảo lãnh nợ và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, đã giúp giảm nợ công từ 64% của GDP năm 2016 xuống 55% vào năm 2019. Thành tựu tài khóa này giúp tái thiết không gian tài khóa mà Việt Nam có thể sử dụng để giải quyết các thách thức do đại dịch Covid-19 gây ra.

- Kể từ khi bắt đầu bùng phát, khoảng đệm chính sách gia tăng đã cho phép Chính phủ thực hiện một số biện pháp tài khóa để ổn định nền kinh tế, từ giảm thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và hoãn nghĩa vụ thuế để hỗ trợ tiền mặt cho các hộ gia đình có thu nhập thấp bị ảnh hưởng. Khoảng đệm này cũng cho phép Chính phủ phân bổ đủ

nguồn lực tài chính cho các nỗ lực chăm sóc sức khỏe trong việc quản lý đại dịch, những nỗ lực đã được cộng đồng quốc tế ca ngợi rộng rãi vì tính hiệu quả trong việc kiểm soát sự lây lan của vi rút.

- Một trong những thách thức trước mắt là mức độ ảnh hưởng của Covid-19 đối với nhu cầu từ bên ngoài. Ngoài ra, sự gián đoạn chuỗi cung ứng gây ra trở ngại cho sự phục hồi của phía cung. Trong khi đó, sự biến động của chu kỳ công nghệ toàn cầu cũng là một yếu tố rủi ro.

- Một rủi ro quan trọng khác cần theo dõi là sự bất trắc trên thị trường tài chính toàn cầu có thể dẫn đến sự biến động gia tăng trong dòng vốn, mặc dù Việt Nam có thể ít bị tổn thương hơn so với các nền kinh tế khu vực khác. Một trong những thách thức lớn đối với lĩnh vực tài chính là tác động của đại dịch đối với chất lượng tài sản của các ngân hàng. Bất chấp những nỗ lực của các ngân hàng trong việc tái cơ cấu các khoản vay, giảm lãi và phí, vẫn có khả năng chất lượng tài sản của hệ thống ngân hàng sẽ xấu đi và xói mòn bộ đệm vốn tương đối thấp của hệ thống ngân hàng.

- Khi Việt Nam chuyển từ giai đoạn ứng phó với khủng hoảng sang giai đoạn phục hồi, điều cần thiết là phải tập trung vào quản lý các rủi ro trong lĩnh vực y tế và tài chính vĩ mô cũng như phân bổ lại các nguồn lực tài khóa một cách chiến lược, nhằm duy trì khả năng phục hồi kinh tế của đất nước.

- Đặc biệt, Việt Nam kiểm soát tương đối thành công đại dịch Covid-19 trong thời gian qua có thể cung cấp nền tảng để tăng chỉ tiêu cho cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài để có được khởi đầu phục hồi khi nền kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn hậu đại dịch.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch, phát huy các thế mạnh của mình đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn đối nếu có sơ xuất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với công đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho SXKD.

6. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Rủi ro về biến động giá xăng dầu: Hiện nay nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nên vẫn phải nhập khẩu từ các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc. Thời gian qua, giá xăng dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và COMECO nói riêng. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật thông tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2000	TH NĂM 2019	KH NĂM 2020	TH NĂM 2020	TH 2020/ KH 2020 (%)	TH 2020/ TH 2019 (%)	TLBQ 19 NĂM (%)
A	B	C	1	5	4	5	6 (5/4)	7(5/3)	8
1	Doanh thu	Trđ	394.907	4.203.611	2.800.000	2.899.292	103,55	68,97	110,48
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.824	63.604	31.000	46.206	149,05	72,65	110,91
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	3.298	51.030	25.000	37.036	148,14	72,58	112,85
4	Nộp NSNN	Trđ	5.233	56.269	51.300	53.142	103,59	94,44	112,29
5	Cổ tức	%	-	30	15	20	133,33	66,67	

Ghi chú:

- Năm 2000: là Doanh nghiệp Nhà nước (13/12/2000 Cổ phần hóa).
- Lợi nhuận thực hiện năm 2020 đạt thấp hơn năm 2019 chủ yếu do lợi nhuận gộp năm 2020 thấp hơn 2019. Tuy nhiên Công ty vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020.
- Cột 8: Cách tính TLBQ % theo phương pháp tăng trưởng tỷ lệ kép hàng năm (CAGR)

Nhận xét:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2020 diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, dịch tả lợn châu Phi diễn ra ở nhiều nơi ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng vật nuôi, cây trồng. Tốc độ tăng GDP cả năm 2020 chỉ đạt 2,91%, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập, giảm 2,3% so với năm 2019; 101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với 2019 (Theo số liệu của Tổng cục thống kê công bố tại website <https://www.gso.gov.vn>). Mức cầu về nhiên liệu trong nước thấp do sản xuất kinh doanh khó khăn, tiêu dùng giảm, đặc biệt là tiêu thụ nhiên liệu giảm rất mạnh đối với các doanh nghiệp vận tải, xây dựng, du lịch lữ hành.

Thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp, giá dầu biến động liên tục khó lường; giá thế giới có thời điểm giảm về mức âm, sau đó tăng mạnh trở lại. Biến động của giá xăng dầu tác động mạnh đến nền kinh tế và nguồn cung của thị trường xăng dầu, có những thời điểm nguồn cung xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối rất hạn chế nên kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, có những thời điểm thù lao xăng dầu giảm mạnh, không đủ bù đắp chi phí kinh doanh nên ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 2,32% so với bình quân năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019.

Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, quy mô thị trường sụt giảm nên nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,....cũng giảm. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng mặt bằng của các doanh nghiệp giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên mảng kinh doanh mặt bằng, kho bãi của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Tình hình nợ công vẫn ở mức cao, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn.

Lãi suất ngân hàng tuy có điều chỉnh giảm nhưng việc tiếp cận vốn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn khó khăn, hạn chế. Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, đặc biệt trong tình hình kinh doanh khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

Trong các đợt cao điểm bùng phát dịch Covid-19, Chính phủ thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống lây lan dịch Covid-19, các ngành hàng không thiết yếu như: vận tải, du lịch, dịch vụ ăn uống,.... tạm ngừng kinh doanh; học sinh và sinh viên nghỉ học kéo dài, ...nên sản lượng kinh doanh của Công ty giảm đáng kể.

CNXD số 41 và 43 ngưng hoạt động kể từ tháng 4/2020 và tháng 11/2020 do kết thúc hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

Việc gia tăng ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đã tạo cho thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, theo đó mảng kinh doanh bán sỉ xăng dầu của Công ty gặp khó khăn, đặc biệt là khó khăn về giá cạnh tranh....gây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Mặc dù vậy, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và NLD Công ty cùng với việc triển khai hiệu quả một số giải pháp phù hợp (tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết, khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh...) cho nên kết quả kinh doanh của COMECO đạt được trong năm vẫn duy trì ở mức tương đối tốt (tăng 148% so với kế hoạch năm). Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 20% (2.000 đồng/1 cp) và nộp NSNN ở mức tương đối cao.

Tình hình kinh doanh ổn định, các báo cáo tài chính được công bố minh bạch theo đúng quy định. Công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt; luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ người tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

- Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD
- Năm sinh : 13/11/1971
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.
- Thâm niên trong ngành : 28 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 28 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 21 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

▪ **Ông Phạm Văn Khoa : Phó TGD**

Năm sinh : 05/5/1973

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.

Thâm niên trong ngành : 24 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 22 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 17 năm (tháng 07/2004 đến nay)

- Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
- Tháng 5/2001 : Quyền Đội trưởng Đội xây dựng cơ bản
- Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
- Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư (Phòng Đầu tư - Xây dựng).
- Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
- Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay

▪ **Ông Nguyễn Chơn Quang : Phó TGD**

Năm sinh : 12/7/1982

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 11 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 11 năm (làm việc tại Công ty từ 7/2010 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 09 năm (tháng 07/2012 đến nay)

- Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
- Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban TGD.
- Tháng 4/2012 : Trợ lý TGD.
- Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 2/2015 : Phó TGD kiêm GD Kinh doanh.
- Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.

- Ông Phạm Công Quyền : Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.
- Năm sinh : 19/6/1963
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.
- Thâm niên trong ngành : 35 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 35 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
- Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 32 năm (tháng 6/1989 đến nay)
 - Tháng 6/1986 : nhân viên Kế toán Tổng hợp.
 - Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.
 - Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.
 - Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG
VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 13/11/2020)**

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VBL (%)
	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
I	Ban TGD		146.710		39.010	185.720	1,32
1	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - TGD	141.370	Vợ : Dương Thị Đài Trang Em : Lê Tấn Hải	38.910 100	180.380	1,28
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	600			600	0,004
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	KTT		100.255		0	100.255	0,71
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT	100.255			100.255	0,71
	TC (I + II)		246.965		39.010	285.975	2,03

2. Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có

3. Số lượng NLD và chính sách đối với NLD

3.1. Số lượng NLD

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2020

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2019		NĂM 2020		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	513		501		
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	06	1,17	06	1,20	100
2	Đại học	86	16,76	100	19,96	116
3	Cao đẳng	17	3,31	16	3,19	94
4	Trung cấp	49	9,55	49	9,55	100
5	Cấp III	317	61,79	296	59,08	93
6	Cấp II	27	5,26	29	5,79	107
III	Chính trị					
1	Đảng viên	47	9,16	51	10,18	109
2	Đoàn viên thanh niên	66	12,87	86	17,17	130
3	Đoàn viên Công đoàn	513	100	497	99,20	97
IV	Kinh nghiệm					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	96	18,71	55	10,98	57
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	330	64,33	340	67,86	103
V	Độ tuổi					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	157	30,60	131	26,15	83
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	238	46,39	239	47,70	100
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	88	17,15	99	19,76	113
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	30	5,85	32	6,39	107
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	15	2,92	15	2,99	100
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	43	8,38	43	8,58	100

Ghi chú: danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020.

3.2. Chính sách đối với NLĐ

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 501 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty.

- Tham mưu tổ chức đào tạo nguồn nhân lực hiệu quả. Chất lượng lao động ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu công việc và sức cạnh tranh.

- Việc làm và đời sống của toàn thể người lao động đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. 100% NLĐ được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. Không có trường hợp bị thất nghiệp do tác động của dịch Covid-19. 100% người lao động được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và đúng quy định.

- Thu nhập cho NLĐ được đảm bảo. Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLĐ.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Cấp phát đồng phục bảo hộ lao động cho người lao động đúng quy định về thời gian.

- Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn NLD nâng cao chủ động phòng chống dịch, thực hiện đo thân nhiệt tất cả người ra vào tòa nhà, đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, vệ sinh nơi làm việc, khai báo y tế trong toàn Công ty; thực hiện giãn cách vị trí làm việc tại văn phòng. NLD COMECO đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định, đồng thời hướng dẫn khách hàng thực hiện khi tiếp xúc; không có trường hợp NLD nhiễm Covid-19, sức khỏe được đảm bảo.

- Môi trường làm việc được đảm bảo; các yếu tố môi trường được quan tâm, kết quả số liệu đo đạt về môi trường làm việc đều nằm trong giới hạn quy định.

- Tổ chức 04 buổi TGD gặp gỡ sinh hoạt với NLD. Qua các buổi gặp gỡ, TGD sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Nội quy lao động; Quy trình bán hàng và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLD. TGD cũng thông tin để NLD hiểu, thông cảm và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty. Đồng thời, TGD cũng hy vọng NLD phải nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc hơn nữa để cùng Ban lãnh đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời tiếp tục phòng chống dịch Covid-19 cho hiệu quả.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để người lao động yên tâm phục vụ. Bí thư Đảng bộ và Ban TGD Công ty đã đi các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên người lao động phục vụ tốt. Năm 2020, Bí thư Đảng bộ - TGD đã gặp gỡ toàn bộ NLD để sinh hoạt, nói chuyện động viên, làm công tác tư tưởng để NLD yên tâm công tác, thực hiện tốt phòng chống dịch Covid-19, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh; đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành tốt mục tiêu chất lượng 2020. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Việc làm và đời sống của toàn thể NLD đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn do dịch Covid-19 như hiện nay. Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức gặp gỡ, tặng quà cho chị em phụ nữ chào mừng kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Tổ chức chuyến đi về nguồn cho các gương điển hình học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020.

- Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

- Phong trào sáng kiến, giải pháp mới năm 2020: có 12 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.

- Trong năm 2020, Chính quyền và đoàn thể xây dựng các chương trình thi đua ngắn ngày trong năm như: Phát động thi đua đợt 1/2020 với chủ đề “Hiệp lực cùng xuất phát”; đợt 2/2020 với chủ đề “Tiếp tục phòng chống dịch Covid-19, khôi phục sản xuất kinh doanh”; đợt 3/2020 với chủ đề “Thực hiện nhiệm vụ kép: tiếp tục phòng chống dịch, khôi phục sản xuất kinh doanh”; đợt 4/2020 với chủ đề “Tăng tốc về đích”. Đồng thời động viên người lao động hăng hái thi đua tìm kiếm khách hàng mới và nâng cao năng suất bán hàng. Kết quả đợt 1: có 06 đơn vị; đợt 2: có 22 đơn vị; đợt 3: có 40 đơn vị; đợt 4: có 28 đơn vị được khen thưởng.

- Tổng kết cuối năm 2020, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng gồm nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 14 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 6 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 20 tập thể lao động tiên tiến, 14 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 01 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 04 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố, 21 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 21 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 105 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 66 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư

- Năm 2020, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD.

- Thực hiện các công việc liên quan đến Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty.

- Đầu tư cải tạo, đổ bê tông nền; lắp đặt bồn chứa nhiên liệu cho các CNXD số 7, 20 và 39.

- Đầu tư trụ bơm cho khách hàng mua nhiên liệu của Công ty.

- Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các đại lý thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,....

2. Một số dự án lớn của Công ty

2.1 Công việc liên quan dự án Tổng kho xăng dầu COMECO: Hiện Công ty đang thực hiện các thủ tục về cắm mốc ranh, thiết kế và thi công hàng rào, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Tổng kho và thực hiện một số công việc liên quan theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

2.2. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo hệ thống quản lý môi trường và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải: hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

- Nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh để cải thiện môi trường làm việc cho NLĐ và phục vụ khách hàng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2018	TH NĂM 2019	TH NĂM 2020	TỶ LỆ (%)	
						2020/2019	2020/2018
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	569.097	515.312	498.602	96,76	87,61
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	503.336	444.674	442.614	99,54	87,94
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100,00	100,00
4	SLCP đang lưu hành	Cp	14.120.628	14.120.628	14.120.628	100,00	100,00
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	4.242.019	4.203.611	2.899.292	68,97	68,35
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	111.590	63.553	38.579	60,70	34,57
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	935	51	7.627	14,911	815,74
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	112.525	63.604	46.206	72,65	41,06
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	90.270	51.030	37.036	72,58	41,03
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	50	30	20	66,67	40,00
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	Đồng	5.625	2.881	2.587	89,80	45,99
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	Đồng	35.645	31.491	31.345	99,54	87,94

Ghi chú:

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2020; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2017.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2018	TH 2019	TH 2020	TỶ LỆ (%)	
						2020/2019	2020/2018
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	5,81	3,74	4,33	115,96	74,59
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	4,81	1,47	2,42	165,06	50,43
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	Lần	0,12	0,14	0,11	81,92	97,18
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	Lần	0,13	0,16	0,13	79,63	96,82
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	41	46	26	57,33	65,16
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	7,45	8,16	5,81	71,28	78,01
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,13	1,21	1,28	105,23	60,03
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	17,93	11,48	8,37	72,91	46,66
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	15,86	9,90	7,43	75,01	46,83
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,63	1,51	1,33	88,01	50,58

Nhận xét:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (36,37% là tài sản ngắn hạn và 63,63% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt; khả năng tạo lợi nhuận tốt.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 13/11/2020:

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	14.120.628	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 13/11/2020 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020: 14.120.628 cp

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2020:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{442.613.788.508 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 31.345 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2020: 31.345 đồng/cp bằng 99,54% so với năm 2019: 35.491 đồng/cp.

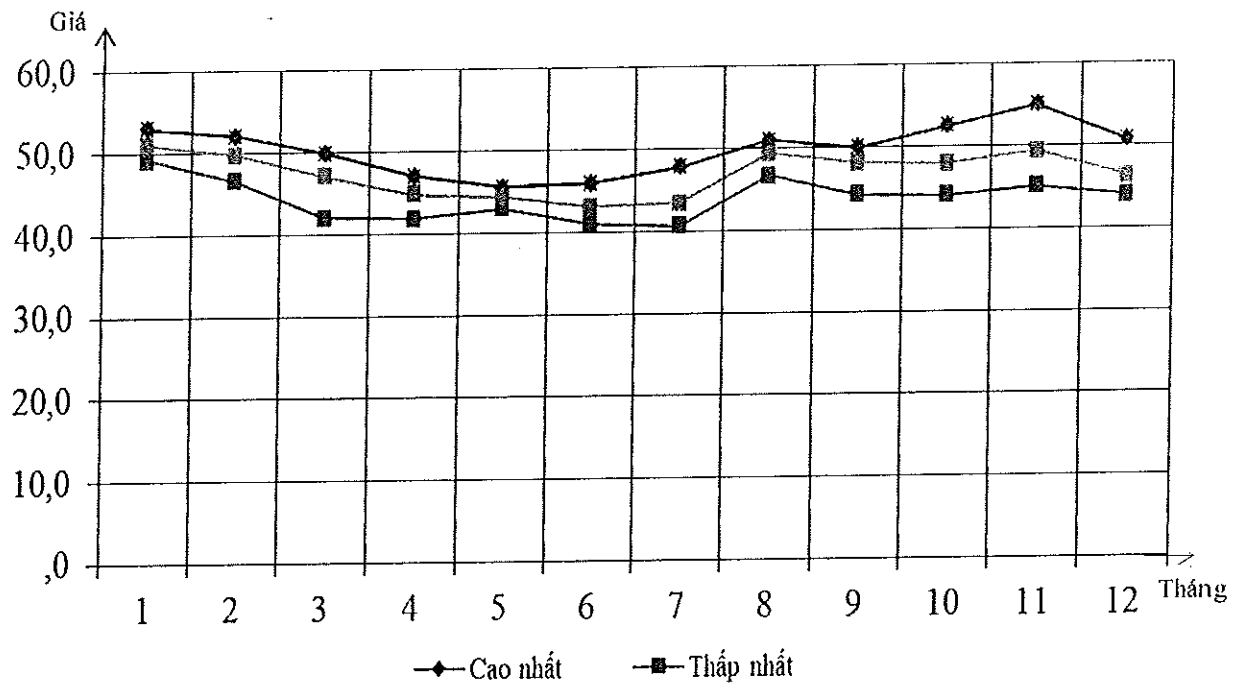
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2020:

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2020

DVT: ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	53,00	52,00	49,90	47,00	45,60	45,90	47,85	51,00	50,00	52,50	55,00	50,70	55,00
Thấp nhất	49,15	46,60	42,00	41,85	43,00	41,00	40,65	46,70	44,20	44,05	45,15	44,00	40,65
Trung bình	50,94	49,72	47,09	44,79	44,38	43,03	43,40	49,32	48,08	47,91	49,32	46,28	46,93

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2020



2. Cơ cấu cổ đông

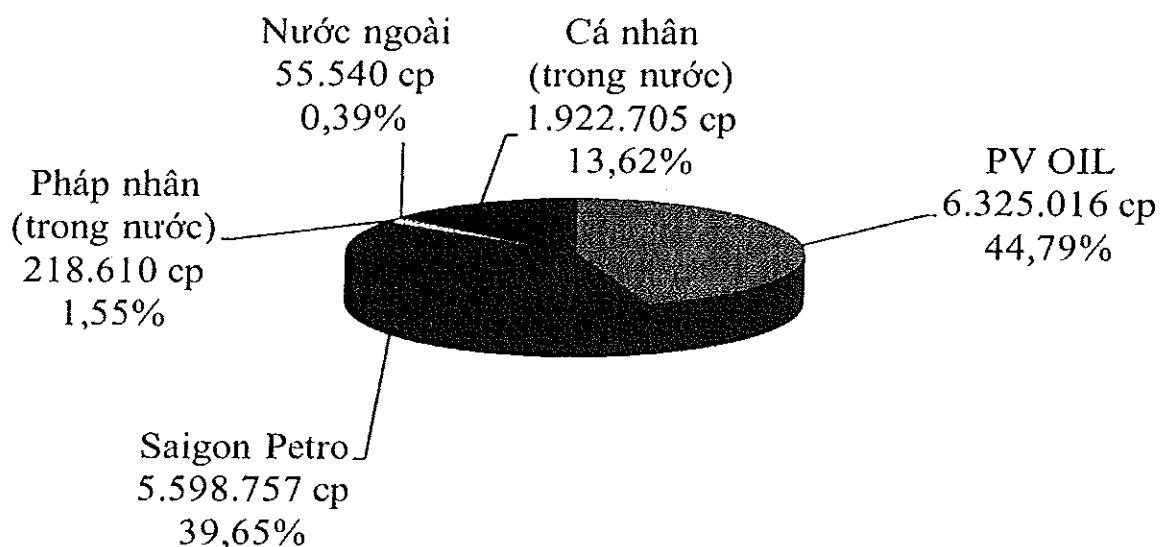
2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 10/3/2020			THỜI ĐIỂM 13/11/2020			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	342	14.057.768	99,55	333	14.065.088	99,61	100,05
1	Pháp nhân	4	11.945.283	84,59	5	12.142.383	85,99	101,65
1.1	PVOIL	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100
1.2	Saigon Petro	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	Khác	2	21.510	0,15	3	218.610	1,55	1.016
2	Cá nhân	338	2.112.485	14,96	328	1.922.705	13,62	91,02
II	Cổ đông nước ngoài	67	62.860	0,45	62	55.540	0,39	88,36
1	Pháp nhân	5	15.690	0,11	5	11.690	0,08	74,51
2	Cá nhân	62	47.170	0,34	57	43.850	0,31	92,96
	TC (I + II)	409	14.120.628	100	395	14.120.628	100	100

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 13/11/2020 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 13/11/2020)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 13/11/2020)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 10/3/2020		TĂNG GIẢM (cp)	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 13/11/2020	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOIL)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Tầng 2 và 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội	Chứng khoán	0	0,00	197.100	197.100	1,40
4	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 01 COMECO	189.960	1,35	57.360	247.320	1,75
5	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.HCM	UV HĐQT - TGD COMECO	180.380	1,28	0	180.380	1,28
6	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 12 COMECO	121.100	0,86	15.010	136.110	0,96
7	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
8	Ông Phạm Công Quyền	35/10 Nguyễn Đình Chiểu, P.4, Q.3, Tp.HCM	GDĐT - KTT COMECO	100.255	0,71	0	100.255	0,71
TỔNG CỘNG				12.618.038	89,36	269.470	12.887.508	91,27

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PVOIL và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2020: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5. Chi cổ tức

COMECO đã tiến hành chi cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 tỷ lệ 20% (2.000 đồng/1 cp) cụ thể như sau:

SỐ TT	NỘI DUNG	NGÀY GIAO DỊCH KHÔNG HƯỞNG QUYỀN	NGÀY THANH TOÁN CỔ TỨC	TỶ LỆ CỔ TỨC CHI TRẢ (%)
1	Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 20%	13/11/2020	27/11/2020	20

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2020 (Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TÒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TÒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		853.525					853.525	16.159.184
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504					237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	8.212					8.212	46.600
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800					43.800	444.000
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PEG	99.675					99.675	2.093.175
8	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640					17.640	272.599
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		2.400.000					2.400.000	24.000.000
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
4	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		3.253.525					3.253.525	40.159.184

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2020)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUÂN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 31/12/20 (đ/cp)	CHÈNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÈNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2020 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		853.525				-4.868.038	-5.281.804	413.767
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	14.526	15.100			0	0
2	Cty cp DV Ôtô Hàng Xanh	HAX	12.318	3.783	18.800			0	0
3	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	15.000	-7.548	-1.335.495	-1.724.767	389.272
4	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	15.100	-6.715	-1.777.930	-1.936.781	158.851
5	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	5.000	17.500				0	0
6	Cty cp Cà phê Petec	PCF	43.800	10.137	4.890	-5.247	-229.818	-6.000	-223.818
7	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec	PNG	99.675	21.000	6.940	-14.060	-1.401.431	-1.495.125	93.695
8	Cty cp Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640	15.543	8.460	-6.993	-123.365	-119.131	-4.234
II	CP chưa niêm yết		2.400.000				-11.435.367	-11.758.985	323.618
1	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000	10.000			-1.435.367	-1.758.985	323.618
2	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000			-10.000.000	-10.000.000	0
3	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000					
4	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam		1.000.000	10.000					
	TỔNG CỘNG (I + II)		3.253.525				-16.303.405	-17.040.790	737.385

Ghi chú: - Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.

- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2020 được tính như sau:

+ Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch (ngày 31/12/2020).

+ Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu: có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.

- Cột 5: Giá trị chênh lệch: chỉ tính khi giá trị cột 4 < 0

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý và kiểm soát chất thải

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1.1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

1.2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

1.3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

1.4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hố gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hố gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

2.1. Nhận diện khía cạnh, môi trường, môi nguy an toàn

Công ty thiết lập Thủ tục nhận diện khía cạnh, môi trường, môi nguy an toàn sức khỏe để quy định trình tự và cách thức nhận diện những khía cạnh môi trường và các môi nguy; xác định mức độ rủi ro, các tác động môi trường đáng kể và các yêu cầu của pháp luật. Từ đó đề ra các biện pháp kiểm soát thích hợp, các hành động khắc phục kịp thời nhằm: giảm thiểu các tác động có hại đến môi trường; phòng ngừa những rủi ro có thể xảy ra; đảm bảo sự tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật; tạo môi trường làm việc sạch sẽ, an toàn cho NLD, người ngoài vào làm việc, công tác tại COMECO.

2.2. Công tác an toàn PCCC, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLD ý thức và thuận thực trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

2.3. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành báo cáo giám sát môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

2.4. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2020, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLD bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

2.4.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới hàng năm.

2.4.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ theo Thỏa ước lao động Tập thể bao gồm quần áo, giày, nón vải,... Tổng số tiền trang bị năm 2020 là: 141.100.000 đồng.

Ngoài ra Ban Chấp hành Công đoàn Công ty còn trang bị cho mỗi người lao động 01 tấm chắn trên nón lưới trai để phòng, chống giọt bắn của virus khi tiếp xúc thường xuyên với khách hàng khi vào mua xăng dầu tại CNXD. Trong năm Công ty còn trang bị thêm cho người lao động khẩu trang giấy (02 hộp/người) để phòng chống dịch covid-19. Tổng chi phí trang bị: 63.600.000 đồng.

2.4.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, Sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện hàng năm cho NLĐ theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLĐ được cập nhật các văn bản pháp luật mới, nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLĐ; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

3. Chăm sóc sức khỏe cho NLĐ

3.1. Khám sức khỏe định kỳ

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2020, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 465 người; chi phí khám sức khỏe cho người lao động là 178.411.900 đồng. Phân loại sức khỏe loại 1 là 62 người; loại 2 là 232 người; loại 3 là 139 người; loại 4 là 32 người. Chất lượng sức khỏe của người lao động được cải thiện, những trường hợp người lao động sức khỏe chưa đạt, Công ty có lộ trình hướng dẫn người lao động điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc.

3.2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các Chi nhánh xăng dầu như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen), tái khám sạm da: 2 lần/năm. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên trong năm 2020 chỉ thực hiện khám một lần vào tháng 6/2020 (dự kiến đợt 2 là tháng 04/2021). Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2020: 242.158.000 đồng. Kết quả không có người lao động bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường.

3.3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ đầu mỗi quý trong năm, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 16.970.200 đồng.

3.4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng Tp. Hồ Chí Minh đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

4. Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: Công ty đã đóng góp để chăm lo các hộ nghèo xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi; đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội dịp Tết Canh Tý 2020; ủng hộ quỹ Xã hội của Công đoàn Viên chức Thành phố, quỹ Vì người nghèo Thành phố của Công đoàn cơ sở VPTU; đóng góp 01 ngày lương ủng hộ đồng bào Miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai; ủng hộ quỹ “Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc”; ủng hộ kinh phí tổ chức hoạt động an sinh xã hội tại Tây Ninh,... với tổng số tiền là **269.143.480 đồng**.

Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ 9.000 lít xăng Ron 95 để Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh thực hiện vận chuyển miễn phí người bệnh trong thời gian thực hiện cách ly toàn xã hội để phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố.

5. Phát triển nguồn nhân lực

5.1. Kiểm soát nguồn nhân lực

5.1.1. Tuyển dụng

- Thực hiện có hiệu quả trong việc tuyển dụng, đào tạo công nhân mới. Kết quả của đào tạo là đội ngũ công nhân mới đáp ứng tốt công việc được giao.

- Trong năm 2020, Công ty tuyển dụng 37 lao động để đáp ứng kịp thời cho các lao động nghỉ hưu, chuyển công tác. Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

- Thực hiện hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các Chi nhánh xăng dầu.

5.1.2. Đào tạo

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ của NLD. Năm 2020, tổ chức đào tạo được 2.267 lượt người, đạt 146% kế hoạch năm; cử đi đào tạo đại học, cử nhân, cao đẳng, trung cấp chính trị: 18 người. Tổ chức lớp đào tạo Nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong KDXD để tái cấp giấy chứng nhận; tổ chức nhiều đợt đào tạo kiến thức đầu nòng, các tình huống bán hàng cho toàn thể NLD; cử đi học các lớp về nội dung mới của Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2020; các quy định về thực hiện và triển khai HĐĐT theo Thông tư 68/2019/TT-BTC; các chính sách hỗ trợ về thuế cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng Covid-19;...

- Công ty tiếp tục tổ chức các buổi để TGD gặp gỡ sinh hoạt với người lao động; đồng thời tổ chức và cử đi đào tạo các lớp về chuyên môn nghiệp vụ, nhằm nâng cao trình độ cho người lao động, cập nhật văn bản pháp luật và vận dụng vào công việc.

5.1.3. Quy hoạch

- Tham mưu và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ dự bị cho Văn phòng và Khối Chi nhánh. Năm 2020 tiếp tục bồi dưỡng quy hoạch 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 15 cán bộ cấp phòng trở xuống.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ trẻ.

5.1.4. Bổ nhiệm

- Năm 2020, tái bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc; bổ nhiệm được 06 cán bộ; trong đó: bổ nhiệm 03 Trưởng Chi nhánh, 02 Phó phụ trách Chi nhánh và phân công 01 nhân viên thống kê Chi nhánh.

- Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

5.2. Chính sách đối với NLD

5.2.1. Lương, thưởng

Ban lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLD yên tâm phục vụ. Ban TGD Công ty đã đi các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên NLD. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. Việc làm và đời sống của NLD ổn định; thu nhập bình quân của NLD năm 2020 là 12.797.274 đồng/người/tháng.

- Công ty trả lương hàng tháng cho NLD đúng thời gian như đã cam kết với NLD trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

+ Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;

+ Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.

- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLD.

5.2.2. Bảo hiểm

Các chế độ, chính sách, bảo hiểm của NLD được thực hiện thường xuyên, liên tục và đúng thời hạn. Việc giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ hưu được thực hiện đầy đủ cho NLD. Không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách.

5.2.3. Phúc lợi

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLD, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các cửa hàng.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

5.3. Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Hội nghị NLD; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty

5.3.1. Lãnh đạo Công ty tiếp NLD vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối tháng hàng kỳ lãnh đạo Công ty tiếp NLD tại Văn phòng Công ty. Qua đây, NLD có thể trực tiếp trao đổi với Lãnh đạo Công ty về các ý kiến của bản thân và được Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

5.3.2. Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2020 là 12 Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLD được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân NLD; trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị NLD,... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời; đồng thời các ý kiến đã góp phần tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO; tiết kiệm chi phí,...

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Năm 2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới; xung đột thương mại Mỹ – Trung vẫn tiếp diễn. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng. Mặc dù tăng trưởng GDP năm 2020 đạt thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trước những tác động tiêu cực của dịch Covid-19 thì đó là một thành công của nước ta với tốc độ tăng thuộc nhóm nước cao nhất thế giới. Việt Nam là một trong 3 quốc gia ở châu Á (cùng với Trung Quốc và Myanmar) có mức tăng trưởng tích cực trong năm nay.

- Thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp, giá dầu biến động liên tục khó lường; giá thế giới có thời điểm giảm về mức âm, sau đó tăng mạnh trở lại. Biến động của giá xăng dầu tác động mạnh đến nền kinh tế và nguồn cung của thị trường xăng dầu, có những thời điểm nguồn cung xăng dầu từ các doanh nghiệp đầu mối rất hạn chế nên kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, có những thời điểm thù lao xăng dầu giảm mạnh, không đủ bù đắp chi phí kinh doanh nên ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Tình hình nợ công vẫn ở mức cao, nguồn vốn để đầu tư phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn. Năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 2,32% và lạm phát cơ bản bình quân tăng 2,31% so với năm 2019.

- Thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn, quy mô thị trường sụt giảm nên nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các doanh nghiệp xây dựng, đầu tư san lấp mặt bằng,... cũng giảm. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng mặt bằng của các doanh nghiệp giảm do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên mảng kinh doanh mặt bằng, kho bãi của Công ty gặp nhiều khó khăn.

- Lãi suất ngân hàng tuy có điều chỉnh giảm nhưng việc tiếp cận vốn đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn còn khó khăn, hạn chế. Xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp vẫn có chiều hướng gia tăng, đặc biệt trong tình hình kinh doanh khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, vì vậy Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm đối tượng bán hàng trả chậm để đảm bảo an toàn kinh doanh.

- Trong các đợt cao điểm bùng phát dịch Covid-19, Chính phủ thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống lây lan dịch Covid-19, các ngành hàng không thiết yếu như: vận tải, du lịch, dịch vụ ăn uống,... tạm ngừng kinh doanh; học sinh và sinh viên nghỉ học kéo dài, ... nên sản lượng kinh doanh của Công ty giảm đáng kể.

- Chi nhánh xăng dầu (CNXD) số 41 và 43 của Công ty ngưng hoạt động kể từ tháng 4/2020 và tháng 11/2020 do kết thúc hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Việc gia tăng ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu theo Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đã tạo cho thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn, theo đó mảng kinh doanh bán sỉ xăng dầu của Công ty gặp khó khăn, đặc biệt là khó khăn về giá cạnh tranh.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao và phát sinh mới: chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; chi phí đầu tư cải tạo mặt bằng CNXD; chi phí đầu tư bảng hiệu cho hệ thống CNXD, khách hàng đại lý, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu; chi phí thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19.

- Nội bộ Công ty đoàn kết. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách đối với người lao động (NLĐ).

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU NĂM 2020

ĐVT: đồng/lít

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ	XĂNG 95	XĂNG E5	DẦU DO	DẦU KO
15 giờ 30 ngày 15/01/2020	↓ 80	↓ 40	↓ 50	↓ 50
15 giờ ngày 30/01/2020	↓ 790	↓ 580	↓ 410	↓ 470
15 giờ ngày 14/02/2020	↓ 740	↓ 760	↓ 960	↓ 1.110
15 giờ ngày 29/02/2020	↓ 260	↓ 160	↓ 390	↓ 280
15 giờ ngày 15/3/2020	↓ 2.310	↓ 2.290	↓ 1.750	↓ 1.830
15 giờ ngày 29/3/2020	↓ 4.250	↓ 4.100	↓ 1.780	↓ 2.700
15 giờ ngày 13/4/2020	↓ 630	↓ 610	↓ 430	↓ 510
15 giờ ngày 28/4/2020	↓ 300	↓ 400	↓ 880	↓ 670
15 giờ ngày 13/5/2020	↑ 600	↑ 580	↓ 90	↓ 80
15 giờ ngày 28/5/2020	↑ 890	↑ 880	↑ 890	↑ 870
15 giờ ngày 12/6/2020	↑ 960	↑ 990	↑ 770	↑ 860
15 giờ ngày 27/6/2020	↑ 890	↑ 860	↑ 600	↑ 420
15 giờ ngày 13/7/2020	-	-	-	-
15 giờ ngày 28/7/2020	-	↑ 150	↑ 280	↑ 240
15 giờ ngày 12/8/2020	↓ 50	-	↓ 190	↓ 70
15 giờ ngày 27/8/2020	↑ 190	-	↓ 240	↓ 80
15 giờ ngày 11/9/2020	↓ 130	↓ 140	↓ 450	↓ 530
15 giờ ngày 26/9/2020	-	↓ 500	↓ 390	↓ 150
15 giờ ngày 12/10/2020	↑ 140	↑ 50	-	↑ 150
15 giờ ngày 27/10/2020	↓ 180	↓ 160	↑ 90	↑ 120
15 giờ ngày 11/11/2020	↓ 240	↓ 220	↓ 380	↓ 150
15 giờ 30 ngày 26/11/2020	↑ 650	↑ 610	↑ 600	↑ 570
16 giờ ngày 11/12/2020	↑ 650	↑ 630	↑ 460	↑ 640
15 giờ ngày 26/12/2020	↑ 470	↑ 390	↑ 480	↑ 410
TỔNG CỘNG	Giảm 4.520	Giảm 4.370	Giảm 4.220	Giảm 4.400

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	181.358.238.723	206.076.818.495	88,01
2	Tài sản dài hạn	317.243.464.407	309.235.269.354	102,59
	TỔNG CỘNG	498.601.703.130	515.312.087.849	96,76

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2020)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	164.501.880.286	117.081.943.536	71,17
2	Máy móc thiết bị	24.588.230.257	6.239.087.620	25,37
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23.811.998.083	5.759.751.423	24,19
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.954.810.591	164.556.197	4,16
	TỔNG CỘNG	216.856.919.217	129.245.338.776	59,60

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2020 tài sản ngắn hạn giảm 11,99% so với năm 2019 chủ yếu do hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn giảm.

- Tài sản dài hạn: Trong năm 2020, giá trị tài sản dài hạn tăng 2,59% so với năm 2019 do Công ty sửa chữa, cải tạo một số mặt bằng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng.

- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2020 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.

- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2020)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2020)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	41.867.286.622	55.164.837.556	75,89
02	Nợ dài hạn	14.120.628.000	15.473.053.005	91,26
	TỔNG CỘNG	55.987.914.622	70.637.890.561	79,26

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2020 của Công ty giảm 20,74% so với năm 2019 do trong năm 2020 Công ty không phát sinh khoản vay ngắn hạn.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trước những khó khăn trên, Ban TGD cùng với tập thể NLD Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều tăng trưởng cao so với kế hoạch 2020, đặc biệt LNST: 37,036 tỷ đồng, đạt 148,14% kế hoạch năm 2020.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của của HĐQT và kế hoạch của TGD Công ty:

+ Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

+ Thực hiện các công việc liên quan đến Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty.

+ Đầu tư cải tạo, đổ bê tông nền; lắp đặt bồn chứa nhiên liệu cho các CNXD số 7, 20 và 39.

+ Đầu tư trụ bơm cho khách hàng mua nhiên liệu của Công ty.

+ Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các đại lý thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: đầu tư bảng hiệu đèn LED, trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo,....

- Công tác quản lý:

- Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã ban hành nhiều văn bản quy định, hướng dẫn NLD nâng cao chủ động phòng chống dịch, thực hiện đo thân nhiệt tất cả người ra vào tòa nhà, đeo khẩu trang, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng, vệ sinh nơi làm việc, khai báo y tế trong toàn Công ty; thực hiện giãn cách vị trí làm việc tại văn phòng. NLD COMECO đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định, đồng thời hướng dẫn khách hàng thực hiện khi tiếp xúc; không có trường hợp NLD nhiễm Covid-19, sức khỏe được đảm bảo.

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Thỏa ước lao động tập thể; Quy định về chính sách gửi hàng tại các CNXD của Công ty, Quy định chi hoa hồng môi giới cho cá nhân/ tổ chức giới thiệu đối tác hợp tác kinh doanh/ thuê tài sản.

+ Tổ chức 04 buổi TGD gặp gỡ sinh hoạt với NLD. Qua các buổi gặp gỡ, TGD sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Nội quy lao động; Quy trình bán hàng và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLD. TGD cũng thông tin để NLD hiểu, thông cảm và cùng chia sẻ khó khăn với Công ty. Đồng thời, TGD cũng hy vọng NLD phải nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc hơn nữa để cùng Ban lãnh đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời tiếp tục phòng chống dịch Covid-19 cho hiệu quả.

+ Duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

+ Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện được duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2020, Tổ chức chứng nhận BVC của Vương Quốc Anh đánh giá giám sát định kỳ, kết quả Hệ thống Quản trị Chất lượng của Công ty được duy trì tốt.

+ Tổ chức đánh giá 42 đơn vị, kiểm tra được 80 lượt xe bồn. Kết quả có 88 điểm nhận xét, đến nay đã khắc phục. Sau mỗi đợt đánh giá đều có chỉ đạo các đơn vị thực hiện hành động khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra đánh giá của các cơ quan chức năng như PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý đều đạt yêu cầu.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo.
- Qua tổng kết cuối năm 2020, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng gồm nhiều hạng thành tích gồm có:
 - + Về tập thể: 14 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 6 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 20 tập thể lao động tiên tiến, 14 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 01 tập thể đạt biểu dương của Công ty.
 - + Về cá nhân: 04 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Thành phố, 21 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 21 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 105 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 66 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.
- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành đồng thời đáp ứng được thông tin cho điều hành kinh doanh hiệu quả. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

- Doanh thu : 2.900 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 35 tỷ đồng

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2021 giảm so với năm 2020 vì dự báo tình hình dịch bệnh COVID-19, giá xăng dầu diễn biến phức tạp, mảng kinh doanh cho thuê Tòa nhà gặp khó khăn. Hiện còn 6 tầng chưa có khách thuê. Số liệu chỉ tiêu kế hoạch trên đây chỉ là số liệu tạm thời, số liệu chính thức sẽ trình để cổ đông thông qua tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ bán lẻ tại các CNXD, thực hiện tốt chuẩn Quy trình bán hàng tại CNXD; chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ thanh toán bằng thẻ, ví điện tử, bán hàng thông qua chương trình khách hàng thành viên PVOIL để giữ và thu hút khách hàng. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới các CNXD bằng cách đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê, hợp tác kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu hiện hữu; hợp tác, đầu tư kinh doanh cửa hàng xăng dầu dưới nhiều hình thức. Khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân giới thiệu được địa điểm phù hợp để Công ty phát triển cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

- Duy trì ổn định và phát huy hiệu quả hệ thống khách hàng đại lý và khách hàng nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng. Đẩy mạnh việc bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.

- Tập trung tìm kiếm khách thuê mặt bằng để lấp đầy diện tích trống Tòa nhà COMECO; duy trì liên kết khai thác 100% diện tích Kho Thủ Đức; phát triển hợp tác kinh doanh, liên kết khai thác hiệu quả các mặt bằng còn trống của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác mua hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro khi thị trường biến động.

- Duy trì chính sách thưởng cho các đơn vị, cá nhân tìm kiếm khách hàng mới có khả năng thanh toán tốt; giới thiệu cây xăng, địa điểm xây dựng cây xăng; thuyết phục khách hàng chuyển từ trả chậm sang trả ngay.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Tiếp tục đa dạng hình thức thanh toán, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua các loại thẻ ngân hàng, thanh toán điện tử.

- Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Tiếp tục triển khai áp dụng giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ. Cải tiến công tác đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo thực hành tại chỗ.

- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. Khen thưởng động viên kịp thời NLD.

- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, đảm bảo an toàn cho NLD và duy trì ổn định hoạt động SXKD

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng NLD. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho NLD. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên NLD, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện; xây dựng nền văn hóa Công ty mạnh để thu hút và giữ chân nhân viên giỏi.

- Phân công bố trí ca kíp hợp lý; duy trì bán hàng giờ cao điểm (cán bộ quản lý các CNXD phải có mặt tại khu vực trụ bơm trong các giờ cao điểm để giúp đỡ, động viên nhân viên bán hàng và kịp thời giải quyết các tình huống phát sinh) không để xảy ra tình trạng ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh. Tăng cường dịch vụ hậu mãi. Thực hiện triệt để nói lời “cảm ơn” khách hàng trong toàn Công ty.

- Duy trì Hệ thống Quản lý chất lượng toàn diện. Tăng cường công tác đánh giá nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; tiếp tục thực hiện các công việc để hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể COMECO; đồng thời rà soát, chỉnh sửa các Quy định về quản lý cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ. Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh. Đảm bảo công tác đo lường, PCCC, chất lượng, số lượng hàng hóa bán ra theo đúng quy định.

- Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong sản xuất kinh doanh, thi đua thực hành tiết kiệm, thi đua phát ý tưởng mới (SK, GPM,...).

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

Năm 2021, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn tiếp tục biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể NLĐ Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

BCTC năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán. AASCS thống nhất toàn bộ nội dung, không có ý kiến ngoại trừ hoặc ý kiến lưu ý nào đối với BCTC năm 2020 do Công ty lập và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số: 61/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 01/3/2021 (đính kèm bên dưới).

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLĐ Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xăng dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xăng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xăng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007**. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLD Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLD

- COMECO luôn xem NLD là vốn quý nên NLD ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2020 có 13 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên trong đó có 03 lao động nữ được tiếp tục quy hoạch ở vị trí cao hơn.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Cùng với việc phát triển kinh doanh, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo các gia đình chính sách và chia sẻ khó khăn với người nghèo, chia sẻ nỗi đau với các nạn nhân là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Trong năm 2020, ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD của Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội như: Công ty đã đóng góp để chăm lo các hộ nghèo xã Phú Hòa Đông, huyện

Củ Chi; đóng góp cho các trung tâm từ thiện xã hội dịp Tết Canh Tý 2020; ủng hộ quỹ Xã hội của Công đoàn Viên chức Thành phố, quỹ Vì người nghèo Thành phố của Công đoàn cơ sở VPTU; đóng góp 01 ngày lương ủng hộ đồng bào Miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai; ủng hộ quỹ “Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc”; ủng hộ kinh phí tổ chức hoạt động an sinh xã hội tại Tây Ninh,... với tổng số tiền là **269.143.480 đồng**. Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ 9.000 lít xăng Ron 95 để Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh thực hiện vận chuyển miễn phí người bệnh trong thời gian thực hiện cách ly toàn xã hội để phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Giữ gìn môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

+ **Chất lượng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ **Thời gian giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét thời gian giao hàng kịp thời và tương đối kịp thời.

+ **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

+ **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét hợp lý về tiêu chí giá cả.

+ **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán phù hợp và tương đối phù hợp.

+ **Nhận xét về thương hiệu COMECO:** 100% khách hàng nhận xét thương hiệu COMECO từ mức khá trở lên.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa **“COMECO nói lời cảm ơn khách hàng”** luôn được hầu hết NLD tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ. Năm 2020 mặc dù tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn tuy nhiên Công ty vẫn duy trì chi trả cổ tức ở mức tương đối cao 20%.

*

* *

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLĐ, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2020, HĐQT của Công ty đã tổ chức 42 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành.

HĐQT và Ban TGD nắm vững tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2020 mà ĐHĐCĐ thông qua đặc biệt chỉ tiêu LNST năm 2020 là 37,035 tỷ đồng, đạt 148,14% so với kế hoạch.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT năm 2020 như sau:

1.1. Phương thức giám sát:

- HĐQT đã chỉ đạo Ban TGD trong việc xây dựng Kế hoạch SXKD - Đầu tư - Tài chính năm 2020.

- Chỉ đạo TGD Công ty trong việc phòng chống dịch Covid-19 song song với việc tập trung phát triển SXKD, ổn định hoạt động Công ty, đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ.

- Chỉ đạo TGD lập kế hoạch, tiến hành các công việc chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 vào ngày 29/5/2020, ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 15/9/2020 và thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; thực hiện Báo cáo thường niên năm tài chính 2019.

- HĐQT đã trao đổi ý kiến, chất vấn các hoạt động của Ban TGD trong việc lập, thực hiện kế hoạch SXKD và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. HĐQT đã cùng TGD thảo luận tại các phiên họp HĐQT và qua gặp gỡ trao đổi để đánh giá tình hình; các khó khăn, tác động ảnh hưởng; giải pháp khắc phục nhằm hoàn thành mục tiêu mà ĐHĐCĐ đề ra.

- Chỉ đạo TGD rà soát và hoàn thiện các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý chi phí, việc phân cấp, phân quyền,... nhằm linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ phận trong việc triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, đề cao tính tuân thủ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo đúng pháp luật và các quy định nội bộ.

- Chỉ đạo TGD Công ty quản lý chặt chẽ các lĩnh vực đầu tư, quản lý chi phí và có các biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD và đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh bình thường mới. Thực hiện việc kiểm toán theo đúng quy định.

- Thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS), HĐQT đã đưa ra các ý kiến góp ý với TGD và Ban Điều hành nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý Công ty.

- HĐQT đã thảo luận thông qua các quy định bằng nghị quyết sau mỗi phiên họp về các nội dung có liên quan để Ban TGD có cơ sở triển khai thực hiện.

1.2. Kết quả giám sát:

- Ban TGD đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT. Kết quả năm 2020 đạt được như sau:

+ Kết quả ĐHĐCĐ của Công ty thành công tốt đẹp, Báo cáo thường niên năm tài chính 2019 thực hiện đúng tiến độ thời gian, minh bạch và gửi báo cáo theo đúng quy định.

+ Hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, giá đầu giảm, kết quả SXKD của Công ty đã góp phần giữ vững được sự ổn định, củng cố thêm niềm tin cho người lao động, các đối tác và khách hàng đối với hoạt động của Công ty.

+ Chính sửa, bổ sung các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý, việc phân cấp, phân quyền,... để linh hoạt trong điều hành, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận, đề cao hiệu quả SXKD.

+ Tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực và củng cố các nguồn lực khác nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững cho Công ty.

- Trong quá trình điều hành, TGD và Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật; đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT và đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT để đạt được những mục tiêu của ĐHĐCĐ Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Người quản lý Công ty gồm có TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm 1, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định "Cán bộ quản lý là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn").

HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng thông qua báo cáo của TGD và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2021

- Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp do tác động của đại dịch Covid-19 từ đầu năm 2020 đến nay. Tốc độ phục hồi tăng trưởng toàn cầu sẽ phụ thuộc nhiều vào việc triển khai thành công các chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19, tinh thần hợp tác và đồng thuận của các quốc gia. Kinh tế Việt Nam năm 2021 mặc dù có triển vọng tăng trưởng khá song cũng đối mặt với nhiều khó khăn thách thức từ sự phục hồi của kinh tế thế giới, sự kết nối giao thương toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng, sự khống chế đại dịch Covid -19 của các nước. Do đó, mức cầu về nhiên liệu sẽ phụ thuộc nhiều vào tình hình phát triển kinh tế cũng như việc kiểm soát được dịch bệnh Covid-19 của thế giới và trong nước.

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021, một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng do phải điều chỉnh các quy định, chính sách kinh doanh cho phù hợp với quy định mới.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu đang được sửa đổi theo hướng tạo nhiều thuận lợi trong quản lý, điều hành giá nhưng cũng tạo môi trường cạnh tranh gay gắt, nhất là trong kinh doanh bán sỉ xăng dầu.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê đất, tiền điện, nước; chi phí BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tăng theo lộ trình của Nhà nước; chi phí đầu tư nâng cấp cải tạo mặt bằng CNXD cho phù hợp với quy định, đảm bảo hoạt động kinh doanh.

- Việc phân luồng giao thông, tình hình kẹt xe, ngập nước, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe tải lưu thông trong nội đô vào ban ngày, việc quy định nhập xăng dầu ban đêm,... tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

- Một số CNXD Công ty hợp tác kinh doanh hết hạn hoặc hợp đồng tạm chờ UBND Thành phố xem xét pháp lý đất đai, nếu không được tiếp tục gia hạn thì ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Mảng kinh doanh cho thuê Tòa nhà, kho bãi gặp nhiều khó khăn.

Từ những tác động trên và hầu hết các dự báo đều cho rằng kinh tế năm 2021 sẽ tiếp tục khó khăn. Vì vậy, kế hoạch phát triển SXKD năm 2021 của Công ty cũng được xây dựng dựa trên những đánh giá trên nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển năm 2021

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh bán lẻ xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.

- Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Gia tăng lợi ích cho người lao động, cổ đông và lợi ích cho cộng đồng.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên kiêm nhiệm

1.1. Lý lịch HĐQT

▪ Ông Phạm Văn Thoại : Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 03/6/1964

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí

Thâm niên trong ngành : 32 năm

- Năm 1989 : công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).

- Năm 1991 : chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.

- Năm 1992 : được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó là Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.

- Tháng 11/1994 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái.

- Tháng 12/2004 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái.

- Tháng 4/2012 : Ủy viên HĐQT COMECO đến tháng 5/2020.

- Tháng 9/2018 : Phó TGD Saigon Petro.

- Tháng 7/2019 : Chủ tịch Hội đồng Thành viên Saigon Petro cho đến nay.

- Tháng 6/2020 : Chủ tịch HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Lê Văn Bách : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 04/6/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Thâm niên trong ngành : 20 năm

- 2001 - 2007 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV

- Tháng 01/2008 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh Cty PETECHIM Hà Nội

- Tháng 7/2008 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Chi nhánh Cty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc (Nay là PVOIL Lube Miền Bắc).

- Tháng 01/2011 : Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube).
- Tháng 7/2013 : Phó Giám đốc Công ty PVOIL Lube kiêm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc PVOIL.
- Tháng 7/2018 : Giám đốc PVOIL Lube cho đến nay.
- Tháng 11/2018 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ **Bà Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên BKS.**

Năm sinh : 21/9/1973

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
Cử nhân Luật.

Thâm niên trong ngành : 22 năm

- Năm 1995 : Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C.
- Năm 1999 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh.
- Năm 2001 : Phó phòng Tài chính Kế toán.
- Tháng 4/2012 : Ủy viên BKS COMECO đến tháng 4/2017.
- Tháng 11/2015 : Quyền Kế toán trưởng Saigon Petro.
- Tháng 11/2016 : Kế toán trưởng Saigon Petro cho đến nay.
- Tháng 5/2021 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 11 năm

- Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).
- Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.
- Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.
- Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
- Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.

- Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO đến tháng 4/2017.
- Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PVOIL.
- Tháng 4/2017 : Chủ tịch HĐQT COMECO.
- Tháng 7/2017 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
- Tháng 8/2018 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
- Tháng 6/2020 : Thành viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 28 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 28 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 21 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.
- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.
- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD
- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.
- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

ĐVTính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Phạm Văn Thoại	Chủ tịch	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh	0	3.359.254	
2	Lê Văn Bách	Thành viên	GĐ Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	0	2.824.200	
3	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	- Kế toán trưởng Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh - Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Saigon Công Thương	0	2.239.503	
4	Lê Văn Nghĩa	Thành viên	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10	3.500.816	
5	Lê Tấn Thương	Thành viên		141.370	0	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT: ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 của COMECO vào ngày 29/5/2020 đã bầu bà Trần Thị Phương Khanh giữ chức vụ thành viên HĐQT thay thế ông Trần Minh Hà (nghỉ hưu theo chế độ). Đồng thời, ngày 16/6/2020, HĐQT Công ty đã thống nhất bầu ông Phạm Văn Thoại làm Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 16/6/2020 cho đến hết nhiệm kỳ 2017 – 2021.

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT năm 2020

Trong năm 2020 có tổng cộng 42 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký Công ty và các thành viên BKS.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2020

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ 01/01/2020 – 31/12/2020						
1	Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch	28/4/2012	42/42	100	
2	Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	28/11/2018	42/42	100	
3	Bà Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên	29/5/2020	24/24	100	
4	Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên	26/4/2017	42/42	100	
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/4/2017	42/42	100	

3.1.2. Các nội dung chính của các cuộc họp HĐQT năm 2020

Năm 2020, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 42 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-20/NQ-HĐQT	03/01/2020	Thống nhất tiếp tục tạm ngừng hoạt động Chi nhánh số 23 từ ngày 17/02/2020 đến hết ngày 14/8/2020 để chờ đàm phán ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh mới.
2	02-20/NQ-HĐQT	08/01/2020	1. Thống nhất phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

2	02-20/NQ-HĐQT	08/01/2020	<p>2. Tạm thông qua đơn giá tiền lương để làm cơ sở trích lập Quỹ tiền lương, tiền thưởng và các chi phí có tính chất lương trả cho người lao động năm 2020 theo tỷ lệ tối đa là 543 đồng/1.000 đồng thu nhập tính lương. Trong đó, thu nhập tính lương được xác định bằng cách lấy Tổng thu – Tổng chi (không bao gồm tiền lương; các khoản thu và chi phí bất thường khác).</p> <p>Tạm giao TGD triển khai thực hiện, sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty thì HĐQT sẽ xem xét lại đơn giá tiền lương.</p>
3	03-20/NQ-HĐQT	15/01/2020	<p>1. Về các công việc có liên quan đến dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.</p> <p>2. Về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại CNXD số 43 - số 70, Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
4	04-20/NQ-HĐQT	20/01/2020	<p>Thông nhất nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Chi nhánh xăng dầu số 43, địa chỉ: Số 70, Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm các thửa đất số: 2002, 2003, 2004 tờ bản đồ số 13) theo nội dung Tờ trình ngày 16/01/2020 của Ban Điều hành Công ty.</p>
5	05-20/NQ-HĐQT	11/02/2020	<p>Thông qua Tờ trình ngày 10/02/2020 của Ban Điều hành Công ty về kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư để thực hiện việc thành lập Công ty TNHH Hai thành viên khai thác kinh doanh mặt bằng Tổng kho xăng dầu COMECO – Nhơn Trạch, Đồng Nai.</p>
6	06-20/NQ-HĐQT	13/02/2020	<p>Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.</p>
7	07-20/NQ-HĐQT	18/02/2020	<p>Thông qua toàn bộ nội dung Tờ trình ngày 17/02/2020 của Ban Điều hành Công ty về Dự thảo hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn Nhà đầu tư Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO.</p>
8	08-20/NQ-HĐQT	21/02/2020	<p>1. Thông nhất phê duyệt bản vẽ “Quy hoạch Tổng mặt bằng Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại xã Phú Đông và Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai” được lập bởi Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex (đính kèm theo Tờ trình ngày 20/02/2020 của Ban Điều hành Công ty về xem xét phê duyệt Quy hoạch Tổng mặt bằng Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại xã Phú Đông và Phước Khánh, Nhơn Trạch, Đồng Nai).</p> <p>2. Thông qua Tờ trình ngày 20/02/2020 của Ban Điều hành Công ty về phê duyệt giá trị Quyền sử dụng khu đất và Tổng mức đầu tư dự kiến thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO.</p> <p>3. Thông qua toàn bộ nội dung của Văn bản gửi hai cổ đông Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (Saigon Petro) và Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOIL) về Báo cáo thực hiện dự án Tổng kho xăng dầu COMECO.</p>

9	09-20/NQ-HĐQT	28/02/2020	Thông nhất tiếp tục tái bổ nhiệm chức danh Phó TGD Công ty đối với ông Nguyễn Chơn Quang, thời hạn 5 năm (từ ngày 03/3/2020 đến 03/3/2025).
10	10-20/NQ-HĐQT	16/3/2020	1. Thông qua Báo cáo thường niên năm 2019. 2. Thông qua các văn bản gửi cổ đông mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 và các tài liệu ứng cử, bầu thay thế thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 – 2021.
11	11-20/NQ-HĐQT	18/3/2020	1. Thông qua Tờ trình ngày 17/3/2020 của Ban Điều hành Công ty về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2020. 2. Thông nhất chủ trương v/v xử lý chấm dứt Hợp đồng HTKD trước thời hạn CNXD số 41 (Địa chỉ: Khu phố Nguyễn Trãi – Quốc lộ 13 – Thị trấn Lái Thiêu – tỉnh Bình Dương) theo Tờ trình ngày 16/3/2020 của Ban Điều hành Công ty. 3. Thông qua các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.
12	12-20/NQ-HĐQT	31/3/2020	Thông nhất hoãn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 của COMECO chậm nhất đến ngày 30/6/2020.
13	13-20/NQ-HĐQT	03/4/2020	Thông qua việc xử lý chấm dứt Hợp đồng HTKD trước thời hạn CNXD số 41 (Địa chỉ: Khu phố Nguyễn Trãi – Quốc lộ 13 – Thị trấn Lái Thiêu – tỉnh Bình Dương) theo Tờ trình ngày 03/4/2020 của Ban Điều hành Công ty.
14	14-20/NQ-HĐQT	06/4/2020	Thông nhất giải thể Chi nhánh xăng dầu số 41 tại địa chỉ 456A Đại lộ Bình Dương, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Thời gian giải thể: từ ngày 27/4/2020. Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.
15	15-20/NQ-HĐQT	08/4/2020	Thông nhất giao TGD thực hiện thủ tục phê duyệt danh sách ngân Nhà đầu tư hợp tác khai thác Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO để công bố lên mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.
16	16-20/NQ-HĐQT	29/4/2020	1. Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019: dự kiến vào thứ Sáu ngày 29/5/2020. 2. Thông qua các văn bản gửi cổ đông mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019; các tài liệu ứng cử, bầu thay thế thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2017 – 2021 và các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.
17	17-20/NQ-HĐQT	08/5/2020	Thông qua hồ sơ “Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500” Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai theo Tờ trình ngày 06/5/2020 của Ban Điều hành Công ty.

30
CỔ
CỐ
TỰ
ĐN
TR.

18	18-20/NQ-HĐQT	21/5/2020	Thông qua Tờ trình ngày 19/5/2020 của Ban Điều hành Công ty về thuê đơn vị tư vấn thẩm tra toàn bộ quá trình đầu tư Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đến thời điểm phê duyệt thiết kế thi công dự án phần mềm, lập dự toán phần mềm.
19	19-20/NQ-HĐQT	02/6/2020	<p>Thông nhất nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (QSDĐ) của bà Võ Thanh Thủy, Thửa đất số 1025, Tờ bản đồ số 40, tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CV 261853 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 07/5/2020, Số vào sổ GCN: CH15037 theo nội dung Tờ trình ngày 28/5/2020 của Ban Điều hành Công ty.</p> <p>Giá trị chuyển nhượng không vượt quá: 33.550.000.000 đồng.</p> <p>Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 04-20/NQ-HĐQT ngày 20/01/2020 của HĐQT Công ty COMECO.</p>
20	20-20/NQ-HĐQT	09/6/2020	<p>1. Thông nhất ngày chốt danh sách cổ đông là: ngày 30/6/2020.</p> <p>Mục đích chốt danh sách cổ đông: Để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020, dự kiến ngày 31/7/2020.</p> <p>2. Thông nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020, với các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến thời gian ĐHĐCĐ bất thường năm 2020: Thứ Sáu, ngày 31/7/2020. - Địa điểm: Tầng 10 Tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM. - Chương trình ĐHĐCĐ dự kiến như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình v/v thông qua Đề án thành lập Công ty TNHH Hai thành viên để khai thác và thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. + Các vấn đề liên quan khác (nếu có).
21	21-20/NQ-HĐQT	16/6/2020	<p>1. Chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty ngày 12/6/2020 của ông Lê Văn Nghĩa.</p> <p>2. Thông nhất bầu ông Phạm Văn Thoại làm Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 16/6/2020 cho đến hết nhiệm kỳ 2017 - 2021.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>
22	22-20/NQ-HĐQT	18/6/2020	Thông nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2020 của Công ty.
23	23-20/NQ-HĐQT	23/6/2020	Chấp thuận chủ trương hợp tác với Công ty TNHH TMDV Nam Giang - Nhà phân phối ủy quyền tại Việt Nam của tập đoàn ExxonMobil để triển khai kinh doanh dầu nhớt Mobil trong hệ thống CNXD COMECO theo Tờ trình ngày 19/6/2020 của Ban Điều hành Công ty về việc kinh doanh dầu nhớt Mobil tại các CNXD COMECO.

24	24-20/NQ-HĐQT	29/6/2020	<p>1. Thống nhất không tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-20/NQ-HĐQT ngày 02/6/2020 của HĐQT Công ty về việc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của bà Võ Thanh Thủy, Thửa đất số 1025, Tờ bản đồ số 40, tại xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp.HCM theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CV 261853 do UBND huyện Củ Chi cấp ngày 07/5/2020, Số vào sổ GCN: CH15037.</p> <p>2. Giao Ban TGD đàm phán với bên chuyển nhượng để thỏa thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã công chứng (Hợp đồng số 08986 ngày 04/6/2020) và bên chuyển nhượng hoàn trả lại số tiền Công ty đã thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Đồng thời, Ban TGD phối hợp, hỗ trợ bên chuyển nhượng sớm tìm đối tác khác để thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau đó bên chuyển nhượng sẽ hoàn trả cho Công ty số tiền Công ty đã thanh toán.</p>
25	25-20/NQ-HĐQT	02/7/2020	<p>Thông qua báo cáo của TGD tại phiên họp HĐQT ngày 02/7/2020 về kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty. Đồng thời, yêu cầu Ban TGD thực hiện một số công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị TGD xây dựng kế hoạch chi tiết trong quý III/2020 để trình 2 cổ đông lớn xem xét điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 trước tháng 10/2020 trên cơ sở các dự báo về tình hình dịch Covid-19, khả năng phục hồi của nhu cầu tiêu thụ xăng dầu và thù lao xăng dầu. Trong quá trình thực hiện các kế hoạch nếu có phát sinh thì trình HĐQT xem xét giải quyết kịp thời. - Sau khi có kết quả soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020, trình HĐQT phương thức trả lương sao cho phù hợp trên nguyên tắc giữ ổn định quỹ tiền lương như các năm trước nhằm đảm bảo thu nhập cho NLĐ; đồng thời đề ra các giải pháp để thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí, giảm và dừng các khoản chi phí sửa chữa, đầu tư không cần thiết, rà soát các chi phí phát sinh ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2020. - Đối với một số mặt bằng của Công ty, giao Ban Điều hành tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để xử lý các tồn tại về mặt pháp lý thuộc thẩm quyền của Ban Điều hành và xin ý kiến HĐQT những công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT; đồng thời cố gắng kéo dài thời gian hoạt động của một số mặt bằng đang chờ quyết định của cơ quan ban ngành Thành phố (như CNXD số 18, 32). - Về việc kinh doanh dầu nhờn Mobil tại hệ thống CNXD COMECO: chấp thuận điều chỉnh thời gian hợp đồng chậm nhất là từ 01/8/2020 đến 31/7/2025 (chậm tối đa là 1 tháng so với Tờ trình ngày 19/6/2020 đã được HĐQT phê duyệt).
26	26-20/NQ-HĐQT	09/7/2020	<p>Thông qua văn bản gửi cổ đông mời tham dự Đại hội, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. - Thư mời họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. - Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.

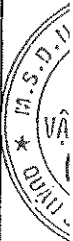
15
37
4A
1/G
C
CV

			<p>- Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các văn bản liên quan đến thủ tục tổ chức và thư mời cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p>
27	27-20/NQ-HĐQT	14/7/2020	<p>Thông qua toàn bộ nội dung của văn bản gửi hai cổ đông Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh (Saigon Petro) và Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOIL) về phương án thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (đính kèm Dự thảo văn bản).</p>
28	28-20/NQ-HĐQT	16/7/2020	<p>Thông qua Tờ trình về tình hình thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai để trình ĐHĐCĐ bất thường 2020.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký văn bản trên và các văn bản liên quan đến thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p>
29	29-20/NQ-HĐQT	23/7/2020	<p>Thông nhất chấm dứt hoạt động Chi nhánh xăng dầu số 23 tại địa chỉ số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Tp.HCM.</p> <p>Thời gian chấm dứt hoạt động: từ ngày 15/8/2020.</p> <p>Lý do: Thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (HTKD) và trả mặt lại bằng cho Công ty Cp Kho vận và Dịch vụ Hàng hóa – Cao su (RUSCO) do RUSCO chưa thực hiện được thủ tục pháp lý về đất đai nên không thể tiếp tục HTKD.</p> <p>Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Chi nhánh trên không ký kết bất kỳ hợp đồng và vay nợ của tổ chức, cá nhân nào. Mọi hợp đồng và các khoản nợ đều do Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu ký kết và chịu trách nhiệm chi trả. Các nghĩa vụ và hợp đồng mà Chi nhánh có trách nhiệm thực hiện được hoàn tất đến ngày giải thể. Nếu có phát sinh tranh chấp về sau, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p>Chi nhánh xăng dầu số 23 sử dụng 2 lao động, được Công ty sắp xếp, điều động và tiếp tục làm việc tại các Chi nhánh khác trực thuộc Công ty.</p>
30	30-20/NQ-HĐQT	29/7/2020	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông nhất hủy kết quả sơ tuyển theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước Gói thầu lựa chọn Nhà đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Hai thành viên (theo tỷ lệ góp vốn 50% - 50%/VĐL) để thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. 2. Thông nhất bổ sung kiến nghị của 2 cổ đông: Saigon Petro - cổ đông sở hữu 5.598.757 cổ phần, chiếm 39,65% VĐL COMECO (theo Công văn số 1311/CV-DK-NĐDV ngày 27/7/2020, Công văn số 1323/CV-DK-NĐDV ngày 28/7/2020) và PVOIL - cổ đông sở hữu 6.325.016 cổ phần, chiếm 44,79% VĐL COMECO (theo Công văn số 5149/DVN-KH ngày 28/7/2020) vào chương trình dự kiến để trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. <p>Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan triển khai thực hiện các thủ tục để trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p>

			3. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành chuẩn bị kỹ các nội dung để trả lời chất vấn của cổ đông (nếu có).
31	31-20/NQ-HĐQT	31/7/2020	<p>1. Thống nhất tạm dừng tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) vào lúc 8 giờ 30 ngày 31/7/2020.</p> <p>Lý do: Thực hiện theo Văn bản chỉ đạo số 2869/UBND-VX ngày 30/7/2020 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc tạm thời ngưng hoạt động các cơ sở dịch vụ và hạn chế tụ tập đông người để phòng, chống dịch Covid-19.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) sẽ được tổ chức vào thời điểm thích hợp và Công ty sẽ có thông báo sau.</p> <p>2. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục cần thiết theo đúng quy định của pháp luật về việc tạm dừng ĐHĐCĐ bất thường.</p>
32	32-20/NQ-HĐQT	03/8/2020	<p>1. Thông qua toàn bộ nội dung của văn bản gửi hai cổ đông Saigon Petro và PVOIL để xin ý kiến về phương án COMECO tự thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (đính kèm Dự thảo văn bản).</p> <p>2. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký văn bản trên để gửi cho hai cổ đông Saigon Petro và PVOIL.</p>
33	33-20/NQ-HĐQT	20/8/2020	<p>Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020, với các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến thời gian ĐHĐCĐ bất thường năm 2020: Thứ Ba, ngày 15/9/2020. - Địa điểm: Tầng 10 Tòa nhà COMECO, số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.HCM. - Chương trình ĐHĐCĐ dự kiến như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo tình hình thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. + Biểu quyết thông qua các phương án thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai. + Các vấn đề liên quan khác (nếu có).
34	34-20/NQ-HĐQT	27/8/2020	<p>Thông qua Báo cáo phương án đầu tư Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - COMECO tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đính kèm theo Tờ trình ngày 27/8/2020 của Ban Điều hành Công ty về việc xem xét phê duyệt Báo cáo phương án đầu tư Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - COMECO tại xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Giao TGD chỉ đạo các phòng, ban chức năng có liên quan chuẩn bị nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 thông qua các phương án thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.</p>

35	35-20/NQ-HĐQT	28/8/2020	<p>Thông qua các văn bản gửi cổ đông mời tham dự Đại hội và văn kiện trình ĐHĐCĐ bất thường 2020 như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Văn bản gửi cổ đông mời tham dự Đại hội, gồm: <ul style="list-style-type: none"> Chương trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Thư mời họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Văn kiện trình ĐHĐCĐ: <p>Tờ trình thông qua phương án thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các văn bản liên quan đến thủ tục tổ chức và thư mời cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p> <p>Giao TGD tiếp tục chỉ đạo các bộ phận liên quan chuẩn bị công tác tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020.</p>
36	36-20/NQ-HĐQT	22/9/2020	<p>Thông qua toàn bộ nội dung của của hai văn bản: Báo cáo quá trình thực hiện Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO và Công văn về việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất gắn với chuyển nhượng Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (<i>đính kèm Dự thảo hai văn bản</i>).</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký hai văn bản trên để gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.</p>
37	37-20/NQ-HĐQT	22/10/2020	<ol style="list-style-type: none"> Thông nhất chủ trương điều chỉnh giảm chỉ tiêu doanh thu năm 2020. Chỉ tiêu doanh thu điều chỉnh: 2.800 tỷ đồng (giảm 200 tỷ đồng so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019 ngày 29/5/2020 thông qua). Giao TGD thực hiện các thủ tục theo quy định để chốt danh sách cổ đông nhằm phục vụ cho việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2020 cho cổ đông. Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư theo Báo cáo tình hình đầu tư và Kế hoạch điều chỉnh đơn giá tiền lương năm 2020 ngày 19/10/2020 của TGD Công ty. Thông nhất mức trích quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty bằng với năm 2019 cụ thể 79.814.042.404 đồng (tỷ lệ trích quỹ lương tối đa là 0,731). Thông nhất bổ sung cho hoàn thiện nội dung Điều 2 Nghị quyết số 27-18/NQ-HĐQT ngày 07/11/2018 của HĐQT Công ty đối với Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP: “Thông qua chủ trương đầu tư Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP theo Báo cáo nghiên cứu khả thi lập tháng 9/2018 và Tờ trình ngày 06/11/2018 của TGD Công ty.”

			<p>5. Chấp thuận tạm dừng thực hiện Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP (sau khi hoàn tất gói thầu thẩm tra tính khả thi, sự phù hợp pháp luật của hồ sơ Dự án phần mềm quản lý tổng thể COMECOERP, thẩm tra Hồ sơ thiết kế Dự án và dự toán Dự án phần mềm). Đến khi tình hình kinh doanh thuận lợi hơn thì Công ty sẽ trình lại HĐQT để tiếp tục thực hiện Dự án.</p>
38	38-20/NQ-HĐQT	23/10/2020	<p>Thông nhất chốt danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO):</p> <p>1. Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 13/11/2020.</p> <p>2. Mục đích chốt danh sách cổ đông:</p> <p>a) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu năm 2020. Thời gian dự kiến thực hiện gửi văn bản xin ý kiến cổ đông: từ ngày 19/11/2020 đến 03/12/2020.</p> <p>b) Tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt, tỷ lệ 20%/cổ phần (tương ứng mỗi cổ phần nhận được 2.000 đồng). Thời gian chi: cuối tháng 11/2020.</p> <p>3. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.</p>
39	39-20/NQ-HĐQT	02/11/2020	<p>Thông qua Tờ trình ngày 30/10/2020 của TGD Công ty về việc thanh lý hợp đồng và giải thể CNXD số 43 tại địa chỉ số 70 Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. HCM với một số nội dung chủ yếu như sau:</p> <p>1. Chấp thuận thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh CNXD số 43 với Doanh nghiệp tư nhân Hồng Việt (nay là Công ty TNHH Địa ốc Hồng Việt) theo điều khoản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng.</p> <p>2. Thông nhất chấm dứt hoạt động Chi nhánh xăng dầu số 43 tại địa chỉ số 70 Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. HCM.</p> <p>Thời gian chấm dứt hoạt động: từ ngày 25/11/2020.</p> <p>Lý do: Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn.</p> <p>Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Chi nhánh trên không ký kết bất kỳ hợp đồng và vay nợ của tổ chức, cá nhân nào. Mọi hợp đồng và các khoản nợ đều do Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu ký kết và chịu trách nhiệm chi trả. Các nghĩa vụ và hợp đồng mà Chi nhánh có trách nhiệm thực hiện được hoàn tất đến ngày giải thể. Nếu có phát sinh tranh chấp về sau, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p>Chi nhánh xăng dầu số 43 sử dụng 7 lao động, được Công ty sắp xếp, điều động và tiếp tục làm việc tại các Chi nhánh khác trực thuộc Công ty.</p> <p>3. Chấp thuận chủ trương thanh lý tài sản đã đầu tư tại CNXD số 43 theo nội dung Tờ trình ngày 30/10/2020 của TGD Công ty.</p>



40	40-20/NQ-HĐQT	04/11/2020	<p>Thông qua các hồ sơ, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2020 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2020. - Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Quyết định thành lập Tổ kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Dự thảo Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các văn bản liên quan đến thủ tục tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch doanh thu năm 2020.</p>
41	41-20/NQ-HĐQT	05/11/2020	<p>Thông qua nội dung biểu quyết của Người đại diện theo ủy quyền của COMECO tại PVOIL Trans theo Tờ trình ngày 04/11/2020 của Ban Điều hành COMECO về xin ý kiến biểu quyết thay đổi Người đại diện PVOIL giữ chức Giám đốc PVOIL Trans trong kỳ ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 của PVOIL Trans vào ngày 11/11/2020, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT kiêm Giám đốc PVOIL Trans đối với ông Trần Văn Dưỡng (người đại diện vốn của PVOIL tại PVOIL Trans). - Bổ nhiệm ông Cao Trọng Tuấn (Phó Giám đốc PVOIL Trans) giữ chức vụ Giám đốc PVOIL Trans. <p>Tổng Giám đốc, Người đại diện theo ủy quyền của COMECO tại PVOIL Trans có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p>
42	42-20/NQ-HĐQT	09/12/2020	<p>Thông nhất điều chỉnh giảm diện tích thuê lại Quyền sử dụng đất (QSDD) của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đồng Tâm (Công ty Đồng Tâm) tại Khu Công nghiệp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (CNXD số 45) và những nội dung liên quan của Hợp đồng thuê lại QSDD số 03/2018/HĐ-KD/KCNĐT ngày 02/10/2018 theo Tờ trình ngày 08/12/2020 của TGD Công ty về việc điều chỉnh giảm diện tích thuê lại QSDD tại CNXD số 45, bao gồm một số nội dung cơ bản sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều chỉnh giảm diện tích thuê lại QSDD từ 4.000 m² xuống còn 2.500 m² bằng phụ lục Hợp đồng. 2. Công ty Đồng Tâm hoàn trả lại cho COMECO số tiền đã thanh toán cho phần diện tích đất 1.500m², cộng với khoản lãi tính trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng. Thời gian trả lãi tính từ thời điểm COMECO chuyển tiền cho đến ngày Công ty Đồng Tâm chuyển trả lại cho COMECO. 3. Trường hợp nếu phải di dời CNXD số 45 sang phần diện tích đất 2.500m² thì COMECO và Đồng Tâm sẽ bàn bạc thỏa thuận chi phí bồi thường. Giao Ban Điều hành làm việc với Công ty Đồng Tâm và báo cáo HĐQT về nội dung này khi có thông tin chính thức từ phía Công ty Đồng Tâm.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

▪ Ông Nguyễn Đức Linh : Trưởng BKS

Năm sinh : 10/10/1975

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 22 năm

- Tháng 8/1999 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

- Tháng 11/2007 : Phó Phòng Tài chính – Kế toán (Petec)

- Tháng 6/2011 : Trưởng văn phòng HĐQT (Petec)

- Tháng 6/2012 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ (Petec)

- Tháng 8/2013 : Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).

- Tháng 4/2017 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.

- Tháng 11/2020 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) cho đến nay.

▪ Bà Ngô Phương Hạnh : Ủy viên BKS

Năm sinh : 28/04/1974

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Thâm niên trong ngành : 24 năm

- Tháng 11/1997 : Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).

- Tháng 6/2016 : Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).

- Tháng 11/2018 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Saigon Petro cho đến nay.

- Tháng 3/2018 : Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận cho đến nay.

- Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.

- Ông **Bùi Huy Thắng** : Ủy viên BKS.
- Năm sinh : 14/6/1990
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Thâm niên trong ngành : 9 năm
- Thời gian gắn bó với Công ty : 9 năm (làm việc tại Công ty từ 8/2012 đến nay)
 - Tháng 5/2012 : Nhân viên Phòng Kinh tế - Tài chính tại Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)
 - Tháng 01/2019 : Nhân viên Phòng Kinh doanh COMECO cho đến nay
 - Tháng 5/2016 : Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín cho đến nay.
 - Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOIL Trans) cho đến nay.
 - Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO cho đến nay.

1.2. Cơ cấu BKS

ĐVTính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	0	0
2	Ngô Phương Hạnh	Ủy viên	- Phó phòng Tài chính Kế toán Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro) - Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận	0	0
3	Bùi Huy Thắng	Ủy viên	- Trưởng BKS Công ty Cp Vận tải Việt Tín - Ủy viên BKS PVOIL Trans	0	0
TỔNG CỘNG				0	0

1.3. Thay đổi thành viên BKS: không có

2. Hoạt động của BKS

Năm 2020, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.
- Kiểm tra, giám sát việc Công ty thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính 2020.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc Công ty ban hành.
- Hàng quý, thẩm tra lại báo cáo tài chính của Công ty; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thẩm tra báo cáo tài chính bán niên và cả năm tài chính 2020 của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như xem xét việc thực hiện các chủ trương ĐHĐCĐ và HĐQT, tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty đã được ĐHĐCĐ giao.

- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi kiểm tra và thẩm định, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 61/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 01/3/2020 của Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) về kết quả kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty.

- Công ty đã tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán; tuân thủ đầy đủ các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, hệ thống thông tin kế toán của Công ty còn đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGD

3.2.1 HĐQT

- ĐHĐCĐ năm tài chính 2019 ngày 29/5/2020 đã bầu bà Trần Thị Phương Khanh làm thành viên HĐQT thay thế cho ông Trần Minh Hà (nghỉ hưu theo chế độ). Đồng thời, ngày 16/6/2020, HĐQT đã thống nhất bầu ông Phạm Văn Thoại làm Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 16/6/2020 cho đến hết nhiệm kỳ 2017-2021.

- Trong năm qua, HĐQT Công ty đã họp triển khai đầy đủ các nội dung Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết/quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thể thức họp và nghị quyết được tiến hành đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;

- Chỉ đạo kịp thời TGD thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả để ổn định hoạt động Công ty làm cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo thu nhập và việc làm cho người lao động.

- Lãnh đạo Công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 và các nhiệm vụ trọng tâm mà ĐHĐCĐ đã giao;

- Tổ chức giám sát TGD và cán bộ quản lý trong việc điều hành, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Quyết định các vấn đề khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2020, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao; thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ trong việc quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

3.2.2 Ban Điều hành

- Trong năm 2020, Ban Điều hành đã triển khai và thực hiện nghiêm túc nội dung các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

- Ban Điều hành đã thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, đúng quy định pháp luật hiện hành, quy chế quản lý và quy định nội bộ của Công ty;

- Về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD: Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. LNST đạt 37,035 tỷ đồng, tương đương 148,1% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Qua giám sát, BKS nhận định: Trong năm 2020, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ điều hành đã được ĐHĐCĐ, HĐQT giao; Chỉ tiêu LNST vượt kế hoạch được giao trong bối cảnh nền kinh tế trong nước nói chung và ngành xăng dầu chịu nhiều tác động bất lợi của dịch bệnh Covid-19; Công tác điều hành tuân thủ các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật có liên quan.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGD và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGD đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGD được gửi đến BKS và Ban TGD để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và TGD có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- TGD thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời, làm cơ sở cho việc quyết định/nghị quyết của HĐQT khi quyết định các mặt hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo các cán bộ, bộ phận chuyên môn cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát của BKS.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS NĂM 2020

1. Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2020, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 29/5/2020 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 480.000.000 đ (BQ: 8 triệu đồng/người/tháng)

- Thù lao cho BKS : 180.000.000 đ (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2020 : 660.000.000 đ.

(Trong đó theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 phân chi cho thành viên HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế là 510.000.000 đồng; chi cho thành viên HĐQT và BKS trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào chi phí là 150.000.000 đồng).

2. Thu nhập của HĐQT và Ban TGD

Lương thưởng và các khoản phúc lợi khác của HĐQT, Ban TGD trong năm 2020 là: 6.438.585.540 đồng.

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2020	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2020	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
1	Hội đồng quản trị								
1	Phạm Văn Thoại	CT HĐQT			3.359.254	0	3.359.254	23,79	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						Đã mất
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (**)	CT.HĐTV		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
2	Lê Văn Bách	UV HĐQT		2.824.200	0	0	2.824.200	20	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Thị Hồng Tuất		Mẹ ruột						
	Lê Văn Từ		Cha ruột						
	Phạm Thị Hòa Bình		Vợ						
	Lê Bách Thắng		Con ruột						
	Lê Bách Khang		Con ruột						
	Lê Văn Tùng		Anh ruột						
	Lê Thị Quế		Em ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng công ty Dầu VN(*)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	Giám đốc							
3	Trần Thị Phương Khanh	UV HĐQT		0	2.239.503		2.239.503	15,86	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lại		Mẹ ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2020	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2020	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	KTT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Ngân hàng TMCP Saigon Công thương	TV HĐQT							
4	Lê Văn Nghĩa	UV HĐQT		10	3.500.816		3.500.826	24,79	SH và đại diện SH
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						Đã mất
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	TV HĐQT		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
5	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		141.370	0	0	141.370	1,001	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Vân		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột	100			100	0,001	Sở hữu
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		141.370	0	0	141.370	1,001	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phúng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Vân		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột	100			100	0,001	Sở hữu
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2020	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2020	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		5.600	0	0	5.600	0,04	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						Đã mất
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sờ		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD		4.740	0	0	4.740	0,034	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
I	Phạm Công Quyền	GDTC – KTT		100.255	0	0	100.255	0,710	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tin	UV HĐQT							
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	UV BKS							

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MÔI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2020	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2020	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV HĐQT							
IV	Ban Kiểm Soát								
1	Nguyễn Đức Linh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Việt Anh		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Thúy Hồng		Mẹ ruột						
	Bùi Thị Minh Tâm		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Như Ý		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Tường Vân		Con ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Ngô Phương Hạnh	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Thị Ngọc Huy		Mẹ ruột						
	Ngô Hiệp		Cha ruột						
	Nguyễn Tuấn Anh		Chồng						
	Nguyễn Anh Nguyên		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Nguyên		Con ruột						
	Ngô Hùng		Anh ruột						
	Ngô Thị Ngọc Huyền		Chị ruột						
	Ngô Nguyệt Hằng		Chị ruột						
	Ngô Thanh Hà		Chị ruột						
	Ngô Thị Thanh Hương		Chị ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)			5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
	Công ty Cp Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận	Kiểm soát viên							
3	Bùi Huy Thắng	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Thị Nguyệt Hằng		Mẹ ruột						
	Bùi Xuân Ngợi		Cha ruột						Đã mất
	Lê Thị Bích Phượng		Vợ						
	Bùi Lê My An		Con ruột						
	Bùi Huy Hải		Anh ruột						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	UV BKS							
	Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín	Trưởng BKS							


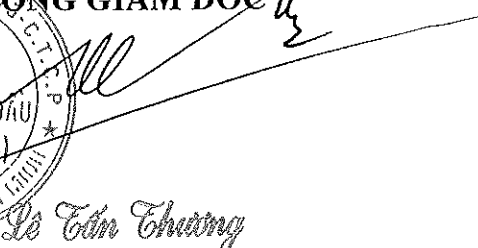
Ghi chú :

- (*): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lê Văn Nghĩa (UV.HĐQT COMECO) 3.500.816 cp, ông Lê Văn Bách (UV.HĐQT COMECO) 2.824.200 cp.

- (**): Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Phạm Văn Thoại (CT.HĐQT COMECO) 3.359.254 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV.HĐQT COMECO) 2.239.503 cp.

Tp.HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Tấn Chương

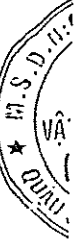
03
C
C
T
01
TP

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

0000000000



*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU
Năm 2020

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020	10.– 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2020	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính tại: Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thoại	Chủ tịch
Ông Lê Văn Nghĩa	Ủy viên
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên
Bà Trần Thị Phương Khanh	Ủy viên
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban
Bà Ngô Phương Hạnh	Thành viên
Ông Bùi Huy Thắng	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

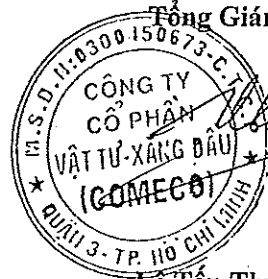
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 19 tháng 02 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương



Số: 61.../BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
 (Về Báo cáo tài chính năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu)

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 19 tháng 02 năm 2021 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

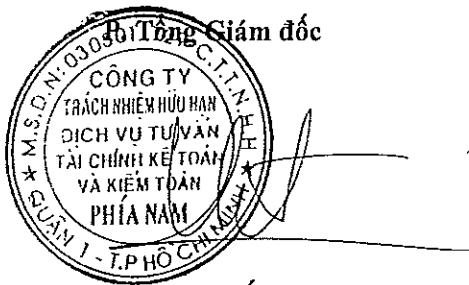
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2021
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



Hiệu Tổng Giám đốc

Lê Đình Ái

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

A handwritten signature in black ink.

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1

M.S.D.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		181.358.238.723	206.076.818.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.776.423.619	10.587.675.356
1. Tiền	111		11.776.423.619	10.587.675.356
2. Các khoản tương đương tiền	112		47.000.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.291.146.100	12.877.379.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.159.184.000	18.159.184.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(4.868.037.900)	(5.281.804.400)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.396.921.474	47.854.122.655
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	50.139.535.245	55.719.507.485
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4		12.461.290.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.108.862.229	16.524.801.170
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(36.851.476.000)	(36.851.476.000)
IV. Hàng tồn kho	140		79.856.690.021	125.054.232.145
1. Hàng tồn kho	141	V.7	79.856.690.021	125.054.232.145
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.037.057.509	9.703.408.739
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.037.057.509	9.703.408.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		317.243.464.407	309.235.269.354
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1.500.000.000	1.590.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.500.000.000	1.590.000.000
II. Tài sản cố định	220		251.615.036.765	262.365.481.372
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	129.245.338.776	136.744.478.820
- Nguyên giá	222		216.856.919.217	216.964.828.326
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(87.611.580.441)	(80.220.349.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	122.369.697.989	125.621.002.552
- Nguyên giá	228		139.291.025.363	139.291.025.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16.921.327.374)	(13.670.022.811)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.220.409.365	10.516.030.875
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	12.220.409.365	10.516.030.875
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.564.632.853	10.241.014.572
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	10.000.000.000	10.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.435.367.147)	(11.758.985.428)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		41.343.385.424	24.522.742.535
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	40.375.249.815	23.928.572.850
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		968.135.609	594.169.685
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		498.601.703.130	515.312.087.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		55.987.914.622	70.637.890.561
I. Nợ ngắn hạn	310		41.867.286.622	55.164.837.556
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.206.980.370	3.081.137.983
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.501.473.373	3.769.362.525
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.140.097.822	3.531.944.253
4. Phải trả người lao động	314	V.16	15.865.040.565	15.937.521.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	6.061.137.106	7.017.843.669
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13		14.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.19	8.092.557.386	7.827.027.705
II. Nợ dài hạn	330		14.120.628.000	15.473.053.005
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b		1.352.425.005
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	14.120.628.000	14.120.628.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		442.613.788.508	444.674.197.288
I. Vốn chủ sở hữu	410		442.613.788.508	444.674.197.288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20e	99.685.822.404	99.685.822.404
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.995.202.521	47.055.611.301
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.710.925.506	38.849.472.226
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		8.284.277.015	8.206.139.075
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		498.601.703.130	515.312.087.849

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Hữu Hoàng



Phạm Công Quyền



Lê Tấn Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.900.020.881.710	4.207.042.555.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	728.789.697	3.432.006.018
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	2.899.292.092.013	4.203.610.549.959
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.721.440.191.223	3.997.204.869.191
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		177.851.900.790	206.405.680.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.070.931.480	1.670.573.029
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(681.279.966)	104.197.888
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.756.164	18.739.726
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	126.357.433.885	130.462.813.766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	14.667.615.683	13.956.737.842
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		38.579.062.668	63.552.504.301
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.779.678.001	105.907.148
12. Chi phí khác	32	VI.8	152.487.635	54.757.287
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.627.190.366	51.149.861
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		46.206.253.034	63.603.654.162
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	9.544.685.943	13.167.944.437
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(373.965.924)	(594.169.685)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.14	37.035.533.015	51.029.879.410
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.587	2.881
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

 01
 02
 03
 04
 05
 06
 07
 08
 09
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 30

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.206.253.034	63.603.654.162
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		11.378.382.151	11.728.405.849
- Các khoản dự phòng	03		(737.384.781)	(1.814.688.600)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.275.779.936)	(1.767.875.756)
- Chi phí lãi vay	06		53.756.164	18.739.726
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.625.226.632	71.768.235.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.213.552.411	(9.414.487.870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		45.197.542.124	(77.562.660.889)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.226.805.622)	(13.042.732.180)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16.446.676.965)	20.111.982
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(53.756.164)	(18.739.726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.233.385.941)	(17.069.063.081)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		3.401.157.794	(2.944.866.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.476.854.269	(48.264.203.046)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.335.042.958)	(27.631.563.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		217.261.472	110.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.070.931.480	1.780.663.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.046.850.006)	(25.740.808.554)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		60.000.000.000	33.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(74.000.000.000)	(19.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28.241.256.000)	(98.849.877.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(42.241.256.000)</i>	<i>(84.849.877.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		48.188.748.263	(158.854.888.600)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.587.675.356	169.442.563.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	58.776.423.619	10.587.675.356

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



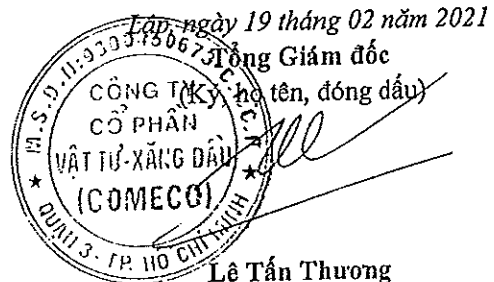
Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Công Quyền

Lập ngày 19 tháng 02 năm 2021
 Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Tấn Thương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là: 141.206.280.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. **Ngành nghề kinh doanh:** : Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ôn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptomat), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc Lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- 3.1 Các khoản chi vay:** Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:** Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- 5.1 **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

- 5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- 5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- 5.4 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. **Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

- 6.1 **Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

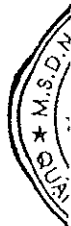
Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh



1
10
01
A
14
11
11
11

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

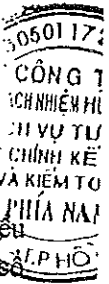
11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- 12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng



khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt (VND)	11.189.170	26.200.735
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.401.527.039	6.077.326.070
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	60.831.838	32.406.709
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	2.293.324.895	3.084.475.161
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quận 10	125.802.402	269.220.082
- Chứng khoán Bảo Việt	5.238.719	135.300.787
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Sài Gòn	56.744.400	56.566.300
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - PGD Lý Thái Tổ	1.161.795	1.157.995
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10	741.631.674	1.039.833.129
- Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương - CN Hồ Chí Minh	1.140.104	1.136.304
- Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	1.115.571.212	1.457.229.603
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng		
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	80.000	
* Tiền đang chuyển	7.363.707.410	4.484.148.551
* Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn dưới 3 tháng)	47.000.000.000	
Cộng	58.776.423.619	10.587.675.356

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND			
	Số lượng Cp (CP)	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh								
- Cổ phiếu								
Công ty CP Cà Phê Petec (PCF)	43.800		4.868.037.900	13.291.146.100		18.159.184.000	5.281.804.400	12.877.379.600
Công ty CP Bến Xe Miền Tây (WCS)	5.000		229.818.000	214.182.000		444.000.000	6.000.000	438.000.000
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752		1.777.929.800	3.997.755.200		87.500.000		87.500.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS)	176.942		1.335.495.000	2.654.130.000		5.775.685.000	1.936.781.000	3.838.904.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	237.504			3.450.000.000		3.989.625.000	1.724.767.400	2.264.857.600
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	8.212			46.600.000		3.450.000.000		3.450.000.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Sài Gòn (PS)	200.000			2.000.000.000		46.600.000		46.600.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định (PND)	17.640		123.364.600	149.234.400		2.000.000.000		2.000.000.000
Tổng Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư PETEC (PEG)	99.675		1.401.430.500	691.744.500		272.599.000	119.131.000	153.468.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty CP Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam (*)	1.000.000		11.435.367.147	10.564.632.853		22.000.000.000	1.495.125.000	598.050.000
- Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ (*)	200.000			10.000.000.000		10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Việt Tin (*)	1.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	20,00%	10.000.000.000
Ghi chú :								

(*) Các khoản đầu tư thuộc công ty chưa niêm yết, tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính 2020; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

* Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng

- Công ty TNHH Điện Tử Huynhai Việt Nam

- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị

* Các khoản phải thu khách hàng khác

Cộng

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

* Ngắn hạn

- Công ty CP Khu Công Nghiệp Đồng Tâm

- Công ty TNHH MTV Bao Bì Vận Chuyển Sài Gòn

Cộng

5. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

- Phải thu tạm ứng

- Phải thu khác

- Công ty CP Khu Công Nghiệp Đồng Tâm (*)

b) Dài hạn

- Tiền đặt cọc thuế mặt bằng

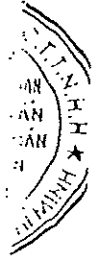
Cộng

Ghi chú (*): Đây là khoản đặt cọc 50% theo hợp đồng thuê lại đất có diện tích 4.000 m2 tại Khu Công Nghiệp Thuận Tạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, thời hạn sử dụng đến 04/04/2053 mục đích đầu tư xây dựng, kinh doanh của hàng xăng dầu ...

Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
50.139.535.245	55.719.507.485	
42.104.974.161	44.168.050.051	
36.851.476.000	36.851.476.000	
5.253.498.161	7.316.574.051	
8.034.561.084	11.551.457.434	
50.139.535.245	55.719.507.485	

Số cuối năm	Số đầu năm
	12.461.290.000
	12.320.000.000
	141.290.000
	12.461.290.000

Giá trị	Dự phòng	Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng
10.108.862.229		16.524.801.170	
1.638.456.129		667.081.170	
406.100		457.720.000	
8.470.000.000		15.400.000.000	
1.500.000.000		1.590.000.000	
1.500.000.000		1.590.000.000	
11.608.862.229		18.114.801.170	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

6. NỢ XẤU

Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam (*)		36.851.476.000			36.851.476.000	
Cộng		36.851.476.000			36.851.476.000	

Chú chú (*): Khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% trên số dư nợ phải thu phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HD-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn GTGT cho mỗi đợt giao hàng, được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL - HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát Triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là 6.712.080.000 VND và cần trừ bằng hàng hóa với giá trị là 4.381.982.000 VND, số tiền còn nợ là 38.878.946.000 VND chưa được Ngân hàng thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh; Do vậy, ngày 01/9/2012 Công ty đã khởi kiện yêu cầu Ngân Hàng HD Bank thanh toán theo cam kết bảo lãnh, vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao Tp. Hà Nội xét xử (trong năm 2017, 2018 và 2019 đã thu hồi thêm số tiền là 2.027.470.000 VND, số dư còn lại là 36.851.476.000 VND đến nay chưa thu hồi được)

7. HÀNG TỒN KHO

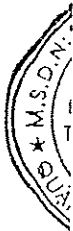
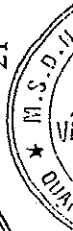
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	59.290.054.545		95.964.800.000	
- Hàng hóa	20.566.635.476		29.089.432.145	
Cộng	79.856.690.021		125.054.232.145	

8. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	12.220.409.365	10.516.030.875
Cộng	12.220.409.365	10.516.030.875



21



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECCO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comecco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.180.296.748	25.017.722.904	23.811.998.083	3.954.810.591	216.964.828.326
- Mua trong năm	630.664.468				630.664.468
- Cải tạo sửa chữa		429.492.647			429.492.647
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	309.080.930				309.080.930
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	164.501.880.286	24.588.230.257	23.811.998.083	3.954.810.591	216.856.919.217
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	43.032.650.520	16.507.987.909	16.973.716.276	3.705.994.800	80.220.349.506
Giá trị hao mòn lũy kế	4.696.367.160	2.267.920.450	1.078.530.384	84.259.594	8.127.077.588
Số dư đầu năm					
- Khấu hao trong năm	309.080.930	426.765.722			735.846.652
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán	47.419.936.750	18.349.142.637	18.052.246.660	3.790.254.394	87.611.580.441
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	121.147.646.228	8.509.734.995	6.838.281.807	248.815.791	136.744.478.820
III. Giá trị còn lại	117.081.943.536	6.239.087.620	5.759.751.423	164.556.197	129.245.338.776
1. Tại ngày đầu năm					
2. Tại ngày cuối năm					

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 39.136.540.951 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
- Mua trong năm					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.187.168.640		482.854.171		13.670.022.811
- Khấu hao trong năm	3.169.429.560		81.875.003		3.251.304.563
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	16.356.598.200		564.729.174		16.921.327.374
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	125.448.856.723		172.145.829		125.621.002.552
2. Tại ngày cuối năm	122.279.427.163		90.270.826		122.369.697.989

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Dài hạn

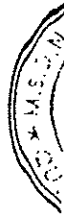
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất một lần (*)
- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
	40.375.249.815	23.928.572.850	
	39.854.962.964	23.458.351.400	
	520.286.851	470.221.450	
	40.375.249.815	23.928.572.850	

Giải thích (*): Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền thuê cho cả thời gian thuê đất (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

STT	Vị trí đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Cơ quan cấp giấy CN quyền SD đất	Trị giá	Giá trị còn lại
1	Thửa số 4822 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	3.314 m ²	Đến 10/9/2058	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	14.950.206.278	14.671.615.961
2	Thửa số 106 Tờ bản đồ số 40 Địa chỉ Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	3.872 m ²	Đến 01/01/2046	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	9.678.679.000	6.732.999.960
3	Thửa số 378 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	614 m ²	Đến 04/09/2052	Ủy ban Nhân dân Tp.HCM	2.248.400.000	1.348.074.315
4	Thửa số 1773 Tờ bản đồ số 3 Địa chỉ Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	2.500 m ²	Đến 04/4/2053	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	17.500.000.000	17.102.272.728
Tổng					44.377.285.278	39.854.962.964



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

* Phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán

- Công ty TNHH TM DV Nam Giang

- Công ty CP Hóa Dầu Mécông

- Công ty CP Thiết Bị Và Dầu Nhớt Minh Giang

- Công ty CP Dầu Nhớt PV OIL

* Phải trả người bán khác

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	3.206.980.370	3.206.980.370	3.081.137.983	3.081.137.983
	3.206.980.370	3.206.980.370	2.820.774.055	2.820.774.055
	1.588.792.370	1.588.792.370		
	1.068.188.000	1.068.188.000	1.084.814.000	1.084.814.000
	550.000.000	550.000.000	1.168.800.055	1.168.800.055
	567.160.000	567.160.000	567.160.000	567.160.000
	260.363.928	260.363.928	260.363.928	260.363.928
	<u>3.206.980.370</u>	<u>3.206.980.370</u>	<u>3.081.137.983</u>	<u>3.081.137.983</u>

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

* Vay ngắn hạn

- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Số có khả năng trả nợ	Số tiền	Số có khả năng trả nợ
	60.000.000.000	74.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
	<u>60.000.000.000</u>	<u>74.000.000.000</u>	<u>14.000.000.000</u>	<u>14.000.000.000</u>

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

* Ngắn hạn

Người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trên tổng người mua trả tiền trước

- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc

- Khách hàng khác

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
4.501.473.373	3.769.362.525	4.501.473.373	3.769.362.525
2.203.802.000	2.203.802.000	2.297.671.373	3.769.362.525
2.203.802.000	2.203.802.000	4.501.473.373	3.769.362.525
<u>4.501.473.373</u>	<u>4.501.473.373</u>	<u>4.501.473.373</u>	<u>3.769.362.525</u>



11729
 CÔNG TY
 XĂNG DẦU
 VẬT TƯ
 KHÍ KÉ
 M. M. G.
 HÀ NAM
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
* Thuế						
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra		3.531.944.253	29.915.611.146	29.307.457.577		4.140.097.822
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		479.670.335	16.370.087.511	15.925.119.936		924.637.910
- Thuế thu nhập cá nhân		2.246.882.503	9.544.685.943	9.233.385.941		2.558.182.505
- Tiền nhà đất, tiền thuê đất		491.700.828	3.952.837.692	4.100.951.700		343.586.820
- Thuế môn bài		313.690.587				313.690.587
Cộng		3.531.944.253	29.915.611.146	29.307.457.577		4.140.097.822

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
15.865.040.565	15.937.521.421
15.865.040.565	15.937.521.421

17. PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Kinh phí công đoàn

- Phải trả khác

b) Dài hạn

- Nhận đặt cọc thuê văn phòng của Ngân Hàng TMCP Sacombank

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
6.061.137.106	7.017.843.669
789.802	
66.536.312	
5.993.810.992	7.017.843.669
	1.352.425.005
	1.352.425.005
6.061.137.106	8.370.268.674

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

* Dài hạn

- Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
14.120.628.000	14.120.628.000
14.120.628.000	14.120.628.000
14.120.628.000	14.120.628.000

19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

- Quỹ khen thưởng

- Quỹ phúc lợi

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
7.517.630.076	6.713.701.154
574.927.310	1.113.326.551
8.092.557.386	7.827.027.705



10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	90.854.364.993	21.242.445.149	114.549.204.551	503.336.333.127
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước			8.831.457.411		51.029.879.410	51.029.879.410
- Giảm khác						8.831.457.411
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	118.523.472.660	118.523.472.660
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	37.035.533.015	37.035.533.015
					39.095.941.795	39.095.941.795
					44.995.202.521	442.613.788.508

Đơn vị tính: VND

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019, gồm:

- Trích quỹ khen thưởng
- Trích quỹ phúc lợi
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát
- Trích thưởng HĐQT Ban điều hành, Ban kiểm soát
- Chia cổ tức năm 2020 (đợt 1)

Cộng

Số tiền (VND)

7.500.000.000
644.685.795
510.000.000
2.200.000.000
28.241.256.000
39.095.941.795

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL
- Vốn góp của các cổ đông khác

Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
39,65%	55.987.570.000	55.987.570.000
44,79%	63.250.160.000	63.250.160.000
15,56%	21.968.550.000	21.968.550.000
100%	141.206.280.000	141.206.280.000

Cộng

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	141.206.280.000	141.206.280.000
	141.206.280.000	141.206.280.000
	28.241.256.000	56.482.512.000
	Số cuối năm	Số đầu năm

d/ Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- + Cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu ưu đãi

	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

đ/ Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

	99.685.822.404	99.685.822.404
	99.685.822.404	99.685.822.404

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư và phát triển

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.876.324.759.054	4.178.927.635.06
23.696.122.656	28.114.920.91
2.900.020.881.710	4.207.042.555.97

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu hàng bán

- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
728.789.697	632.006.0
	2.800.000.00
728.789.697	3.432.006.01

3. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.875.595.969.357	4.178.295.629.049
23.696.122.656	25.314.920.91
2.899.292.092.013	4.203.610.549.955

4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.704.716.339.869	3.981.258.182.581
16.723.851.354	15.946.686.61
2.721.440.191.223	3.997.204.869.191

5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng

Năm nay	Năm trước
318.799.892	578.526.229
752.131.588	1.092.046.800
1.070.931.480	1.670.573.029

6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
53.756.164	18.739.726
(737.384.781)	82.811.400
2.348.651	2.646.762
(681.279.966)	104.197.888

7. THU NHẬP KHÁC

- Thu phạt hợp đồng

- Thu từ thanh lý tài sản

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.936.400.671	
204.848.456	97.302.727
4.638.428.874	8.604.421
7.779.678.001	105.907.148

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

8. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hành chính
- Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
73.454.953	50.000.000
79.032.682	4.757.287
152.487.635	54.757.287

9. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
61.444.937.057	61.379.791.704
10.870.050.678	11.240.367.038
54.042.446.150	57.842.655.029
126.357.433.885	130.462.813.766

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao
- Dự phòng phải thu khó đòi
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
11.575.604.193	11.710.777.846
171.874.848	175.741.711
	(1.897.500.000)
2.920.136.642	3.967.718.285
14.667.615.683	13.956.737.842

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
446.924.651	2.186.320.750
89.285.321.832	88.660.932.476
11.378.382.151	11.728.405.849
38.427.285.551	30.483.350.822
18.210.986.737	27.243.201.742
157.748.900.922	160.302.211.639

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
9.479.481.204	13.167.944.437
65.204.739	
9.544.685.943	13.167.944.437

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ghi chú: Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ... năm 2019 được trích vào năm 2020, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ... do chưa có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc trích lập các quỹ này

Năm nay	Năm trước
37.035.533.015	51.029.879.410
510.000.000	10.344.685.795
36.525.533.015	40.685.193.615
14.120.628	14.120.628
2.587	2.881

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

13. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
660.000.000	523.309.61
660.000.000	523.309.61

14. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

+ Tổng lợi nhuận trước thuế

+ Các khoản điều chỉnh tăng

+ Các khoản điều chỉnh giảm

- Cổ tức lợi nhuận được chia

+ Tổng thu nhập chịu thuế

+ Thuế TNDN phải nộp

+ Thuế TNDN truy thu

+ Thuế TNDN hoãn lại

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN

Năm nay	Năm trước
46.206.253.034	63.603.654.16
73.454.953	50.000.00
752.131.588	1.092.046.80
752.131.588	1.092.046.80
45.527.576.399	62.561.607.36
9.105.515.280	12.512.321.47
65.204.739	61.453.28
373.965.924	594.169.68
37.035.533.015	51.029.879.41

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

Trong năm 2020, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu	1.880.266.010.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV PVOIL	Cổ đông lớn	Mua xăng dầu	1.018.010.090.000

2- Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận.

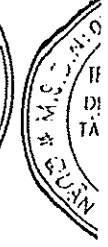
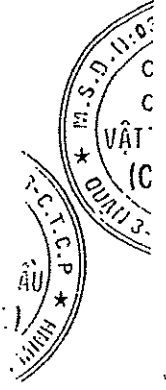
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)
 Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM

3- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách			Giá trị dự phòng			Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	Ngày 31/12/2019	
Tài sản tài chính								
- Tiền và các khoản tương đương tiền	58.776.423.619	10.587.675.356				58.776.423.619	10.587.675.356	
- Phải thu của khách hàng	50.139.535.245	55.719.507.485	(36.851.476.000)	(36.851.476.000)		13.288.059.245	18.868.031.485	
- Phải thu ngắn hạn khác	10.108.862.229	16.524.801.170				10.108.862.229	16.524.801.170	
Cộng	119.024.821.093	82.831.984.011	(36.851.476.000)	(36.851.476.000)		82.173.345.093	45.980.508.011	
Nợ phải trả tài chính								
- Vay và nợ ngắn hạn		14.000.000.000					14.000.000.000	
- Phải trả người bán	3.206.980.370	3.081.137.983				3.206.980.370	3.081.137.983	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	6.061.137.106	7.017.843.669				6.061.137.106	7.017.843.669	
- Phải trả dài hạn khác		1.352.425.005					1.352.425.005	
Cộng	9.268.117.476	25.451.406.657				9.268.117.476	25.451.406.657	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty, tổ chức của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời các khách hàng này cũng được xem xét và đánh giá khả năng thanh toán định kỳ nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đơn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.776.423.619		58.776.423.619
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.248.397.474	1.500.000.000	61.748.397.474
Đầu tư ngắn hạn	13.291.146.100		13.291.146.100
Đầu tư dài hạn		10.564.632.853	10.564.632.853
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	132.315.967.193	12.064.632.853	144.380.600.046
Tại 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.587.675.356		10.587.675.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.244.308.655	1.590.000.000	72.244.308.655
Đầu tư ngắn hạn	12.877.379.600		12.877.379.600
Đầu tư dài hạn		10.241.014.572	10.241.014.572
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	95.709.363.611	11.831.014.572	105.950.378.183

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2020 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hoàng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Phạm Công Quyền

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Thương

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	DIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, P.21, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM	38 291 339	15/01/2000
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, P.Linh Xuân, Q. Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 21	12A Quang Trung, P.11, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 968 014	01/09/1999
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272 3779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	3/40G Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân I, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, P.7, Q.11, TP.HCM	39 557 925	10/06/2005
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0251 2660 919	25/06/2010
Số 34	1135 Quốc lộ 1A, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM	37 505 046	01/02/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275 3545 494	07/12/2011
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0275 3670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0272 3892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 3644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 44	Góc đường số 1 và Đường tỉnh 818, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành H.Thủ Thừa, Tỉnh Long An	0272 365 5544	07/09/2019 *
Số 45	Đường số 2, KCN Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức H. Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 363 5565	06/07/2019

TỔNG CỘNG: 34 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO

Ghi chú :

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

